

LỊCH BAY

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018

www.vietnamairlines.com



GIỜ KHỞI HÀNH

Time	Flight
06:00	VN222
07:00	VN222
08:00	VN222
09:00	VN222
10:00	VN222
11:00	VN222
12:00	VN222
13:00	VN222
14:00	VN222
15:00	VN222
16:00	VN222
17:00	VN222
18:00	VN222
19:00	VN222
20:00	VN222



Vietnam Airlines

SẢ CÁNH VƯỜN CAO





LIÊN HỆ

Tổng đài chăm sóc khách hàng: 1900 1100

- Đặt chỗ và cung cấp thông tin về sản phẩm, dịch vụ
- Trợ giúp khách mua vé trực tuyến
- Dịch vụ đặc biệt và thông tin phản hồi

Giờ hoạt động: 24/7 (bao gồm cả các ngày nghỉ, lễ, Tết)

Tổng đài chăm sóc Hội viên Bông sen vàng: 1900 1800

Giờ hoạt động: 24/7 (bao gồm cả các ngày nghỉ, lễ, Tết)

Địa chỉ liên hệ văn phòng giao dịch, số hotline tại từng khu vực: chi tiết tại website
www.vietnamairlines.com

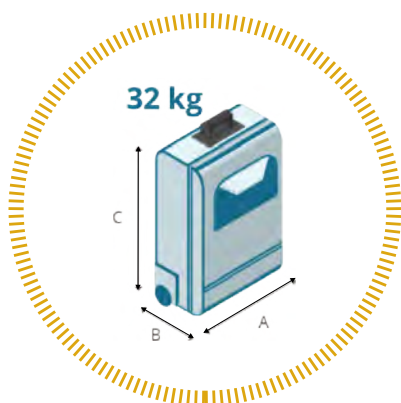
Liên hệ với chúng tôi trên Facebook:

 <https://www.facebook.com/VietnamAirlines>



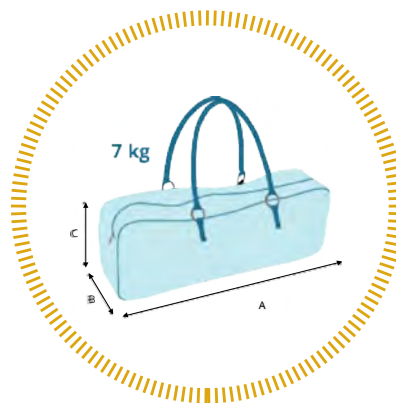
TRANG THÔNG TIN HÀNH LÝ

Hành lý ký gửi



Kích thước:
(dài, rộng, cao)
 $(A) + (B) + (C) < 203 \text{ cm}$
Trọng lượng không quá 32 kg

Hành lý xách tay



Tổng kích thước
(dài, rộng, cao)
không được vượt quá 115cm
(56 cm x 36 cm x 23 cm
hay 22" x 11" x 9")
Trọng lượng không quá 07 kg

TIÊU CHUẨN HÀNH LÝ MIỄN CƯỚC TRÊN CÁC ĐƯỜNG BAY NỘI ĐỊA

Khi đi trên chuyến bay của Vietnam Airlines, hành khách được hưởng tiêu chuẩn hành lý miễn cước ít nhất như sau:

HẠNG GHẾ

Hạng thương gia /
Phổ thông đặc biệt



30 kg hành lý ký gửi + 02
kiện hành lý xách tay

HẠNG GHẾ

Hạng phổ thông



20 kg hành lý ký gửi + 01
kiện hành lý xách tay



TIÊU CHUẨN VỀ HÀNH LÝ TRÊN ĐƯỜNG BAY QUỐC TẾ

(Dành cho người lớn và trẻ em từ 2 tuổi đến dưới 12 tuổi)

HÀNH TRÌNH	HẠNG VÉ	TỔNG SỐ KIỆN/ TỔNG TRỌNG LƯỢNG TỐI ĐA	TỔNG TRỌNG LƯỢNG TỐI ĐA 1 KIỆN	TỔNG KÍCH THƯỚC 3 CHIỀU TỐI ĐA 1 KIỆN
Từ/Đến Châu Mỹ	Hạng Thương gia	2 kiện	23 kg	158cm (62in)
	Hạng Phổ Thông	2 kiện	23 kg	158cm (62in)/kiện và tổng kích thước 3 chiều của 2 kiện không vượt quá 273cm (107in)
Hành trình: Giữa Lào, Campuchia, My-an-ma, Trung Quốc, Đài Loan và Việt Nam Giữa Lào và Campuchia (qua Việt Nam) Giữa Lào và My-an-ma Giữa My-an-ma và Campuchia Từ Hồng Kông, Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc đến các điểm châu Á khác (trừ Úc và Niu-Di-Lân)	Hạng Thương gia	30kg	32kg	203cm
	Hạng Phổ Thông	20kg		
Giữa Hàn Quốc và Việt Nam	Hạng Thương gia	40kg		
	Hạng Phổ Thông	20kg		
Giữa Nhật Bản và Việt Nam Từ Nhật Bản đi các điểm châu Á khác	Hạng Thương gia	60kg		
	Hạng Phổ Thông	40kg		
Từ/Đến Châu Âu, Trung Đông, Châu Phi, Úc, Niu-Di-Lân Các hành trình trong Châu Á khác	Hạng Thương gia	40kg		
	Hạng Phổ Thông Đặc biệt	40kg		
	Hạng Phổ thông	30kg		

Trong trường hợp hành lý của hành khách đã vượt quá trọng lượng cho phép của hành lý miễn cước, hành khách có thể mua Hành lý tính cước cho phần trọng lượng vượt quá.

Nếu trong hành trình của hành khách bao gồm chuyến bay hợp tác giữa Vietnam Airlines và các hãng hàng không khác, trong đó hãng hàng không khác là hãng khai thác chuyến bay, chính sách hành lý miễn cước khác nhau của từng hãng sẽ được áp dụng. Hành khách vui lòng tìm hiểu thông tin về hành lý miễn cước cho mỗi chuyến bay trong hành trình trên vé của hành khách hoặc trên trang điện tử của từng hãng hàng không khai thác chuyến bay.

Các thông tin chi tiết về hành lý đặc biệt, điều kiện vận chuyển, ưu đãi dành cho Hội viên Bông sen vàng, tiêu chuẩn hành lý miễn cước trên mỗi hành trình, hành khách vui lòng tham khảo tại website: www.vietnamairlines.com

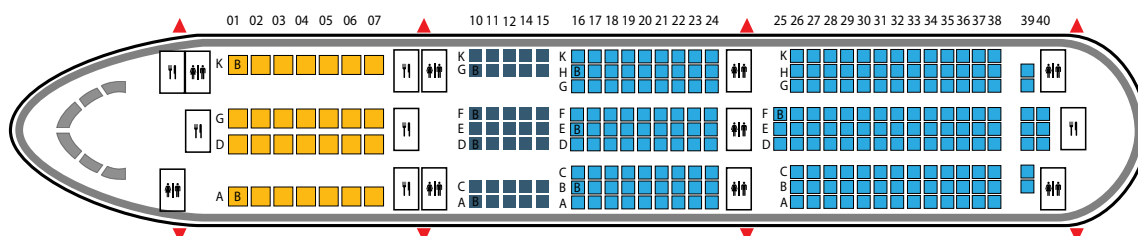


SƠ ĐỒ GHẾ NGỒI

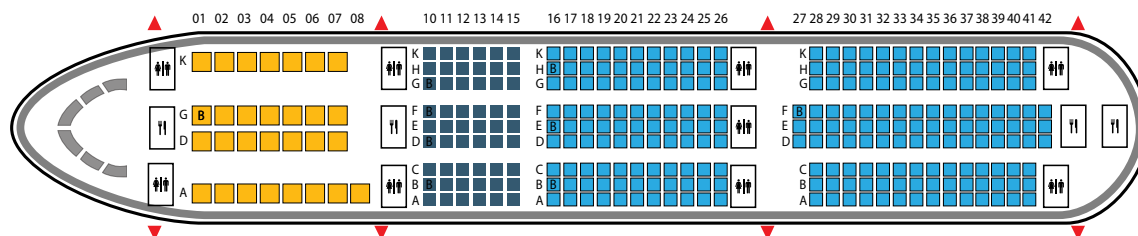
Máy bay	Số lượng ghế	Loại hình ghế
B787	Boeing 787	274
		28C/35Y-Delux/211Y
A350	Airbus 350	311
		28C/283Y
A330	Airbus 330	305
		29C/45Y-Delux/231Y
		24C/256Y
A321	Airbus 321	266
		24C/242Y
		18C/251Y
		16C/162Y
A321	Airbus 321	184
		16C/168Y
		8C/195Y

C-GHẾ HẠNG THƯƠNG GIA; I-GHẾ HẠNG PHỔ THÔNG ĐẶC BIỆT; Y-GHẾ HẠNG PHỔ THÔNG

BOEING 787 - 274 GHẾ



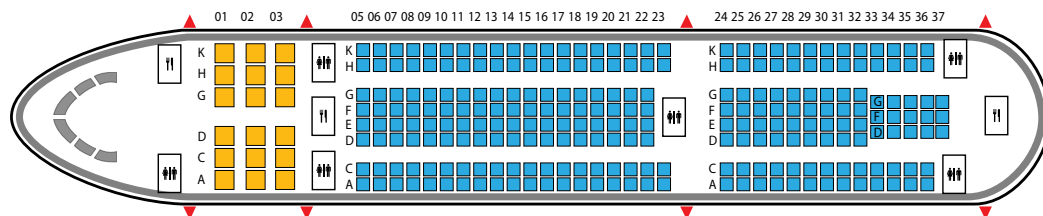
AIRBUS A350 - 305 GHẾ



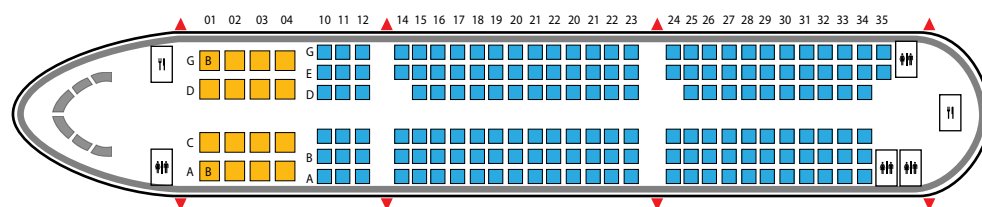


SƠ ĐỒ GHẾ NGỒI

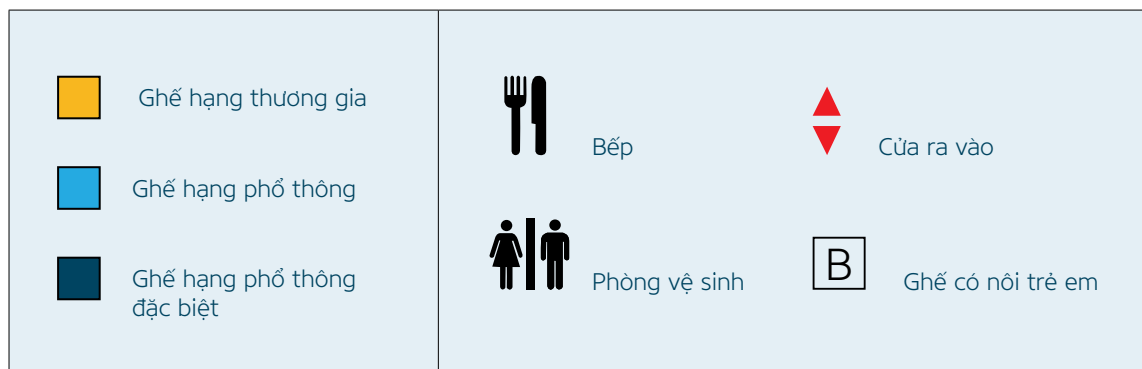
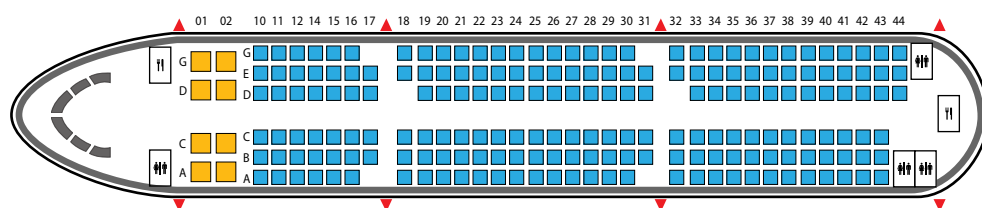
AIRBUS A330 - 269 GHẾ



AIRBUS A321 - 184 GHẾ



AIRBUS A321 - 203 GHẾ





LỊCH BAY

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
								
HÀ NỘI ⇄ TP. HỒ CHÍ MINH								
Từ Hà Nội đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 4001*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 5:45 AM	SGN 7:55 AM	A320	Y	02:10	
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
VN 209	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 6:00 AM	SGN 8:10 AM	A321	CY	02:10	
VN 4223*	29-Oct-17 24-Mar-18	_23_6_	HAN 6:15 AM	SGN 8:25 AM	A320	Y	02:10	
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
VN 211	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 6:30 AM	SGN 8:40 AM	A321	CY	02:10	
VN 217	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 7:00 AM	SGN 9:10 AM	A321	CY	02:10	
VN 219	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 7:30 AM	SGN 9:40 AM	A321	CY	02:10	
VN 223	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 8:00 AM	SGN 10:10 AM	B787	CY	02:10	
VN 225	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 9:00 AM	SGN 11:10 AM	A321	CY	02:10	
VN 227	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 10:00 AM	SGN 12:10 PM	A330	CY	02:10	
VN 229	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 10:30 AM	SGN 12:40 PM	A321	CY	02:10	
VN 231	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 11:00 AM	SGN 1:10 PM	A321	CY	02:10	
VN 233	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 12:00 PM	SGN 2:10 PM	A321	CY	02:10	
VN 237	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 1:00 PM	SGN 3:10 PM	A350	CY	02:10	
VN 239	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 2:00 PM	SGN 4:10 PM	A350	CY	02:10	
VN 243	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 2:30 PM	SGN 4:40 PM	A350	CY	02:10	
VN 247	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 3:00 PM	SGN 5:15 PM	B787	CY	02:15	
VN 249	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 3:30 AM	SGN 5:45 AM	B787	CY	02:15	
VN 4017*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 3:45 PM	SGN 5:55 AM	A320	Y	02:10	
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
VN 253	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 4:00 PM	SGN 6:15 PM	A330	CY	02:15	
VN 4015*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 4:15 PM	SGN 6:25 PM	A320	Y	02:10	
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
VN 257	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 4:30 PM	SGN 6:45 PM	B787	CY	02:15	
VN 259	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 5:00 PM	SGN 7:15 PM	B787	CY	02:15	
VN 4007*	30-Oct-17 24-Mar-18	1234_67	HAN 5:30 PM	SGN 7:40 PM	A320	Y	02:10	
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
VN 263	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 6:00 PM	SGN 8:15 PM	A330	CY	02:15	
VN 267	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 6:30 PM	SGN 8:45 PM	A350	CY	02:15	

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN 4011*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234_67	HAN 6:45 PM	SGN 8:55 PM	A320	Y	02:10	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 269	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 7:00 PM	SGN 9:15 PM	A350	CY	02:15	
VN 4021*	30-Oct-17	24-Mar-18	1234_67	HAN 7:30 PM	SGN 9:40 PM	A320	Y	02:10	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 277	30-Oct-17	23-Mar-18	1_3_5__	HAN 7:45 PM	SGN 10:00 PM	B787	CY	02:15	
VN 279	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 8:00 PM	SGN 10:15 PM	A350	CY	02:15	
VN 281	29-Oct-17	24-Mar-18	_2_4_67	HAN 8:30 PM	SGN 10:45 PM	B787	CY	02:15	
VN 4009*	29-Oct-17	24-Mar-18	12__6_	HAN 8:45 PM	SGN 10:55 PM	A320	Y	02:10	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 285	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 9:00 PM	SGN 11:15 PM	A321	CY	02:15	
VN 4023*	29-Oct-17	24-Mar-18	12_4_6_	HAN 9:15 PM	SGN 11:25 PM	A320	Y	02:10	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 287	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 9:30 PM	SGN 11:40 PM	A321	CY	02:10	
VN 4027*	29-Oct-17	24-Mar-18	_2_4_6_	HAN 11:00 PM	SGN 1:10 AM	A320	Y	02:10	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Hà Nội									
VN 208	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 5:45 AM	HAN 7:50 AM	A321	CY	02:05	
VN 4002*	29-Oct-17	24-Mar-18	123__67	SGN 6:00 AM	HAN 8:00 AM	A320	Y	02:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 4230*	29-Oct-17	24-Mar-18	_234567	SGN 6:15 AM	HAN 8:25 AM	A320	Y	02:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 212	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 6:30 AM	HAN 8:35 AM	A321	CY	02:05	
VN 216	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 7:00 AM	HAN 9:05 AM	A321	CY	02:05	
VN 218	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 7:30 AM	HAN 9:35 AM	A321	CY	02:05	
VN 220	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 8:00 AM	HAN 10:05 AM	A321	CY	02:05	
VN 4232*	30-Oct-17	24-Mar-18	123__7	SGN 8:15 AM	HAN 10:25 AM	A320	Y	02:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 224	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 8:30 AM	HAN 10:35 AM	A321	CY	02:05	
VN 226	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 9:00 AM	HAN 11:05 AM	A350	CY	02:05	
VN 4234*	29-Oct-17	24-Mar-18	1_3_567	SGN 9:15 AM	HAN 11:25 AM	A320	Y	02:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 228	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 9:30 AM	HAN 11:35 AM	A321	CY	02:05	
VN 230	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 10:00 AM	HAN 12:05 PM	A350	CY	02:05	
VN 232	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 11:00 AM	HAN 1:05 PM	A321	CY	02:05	
VN 236	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 12:00 PM	HAN 2:05 PM	B787	CY	02:05	

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN 238	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 1:00 PM	HAN 3:05 PM	A321	CY	02:05	
VN 4014*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 1:30 PM	HAN 3:35 PM	A320	Y	02:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 242	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 2:00 PM	HAN 4:05 PM	A330	CY	02:05	
VN 246	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 2:30 PM	HAN 4:35 PM	A330	CY	02:05	
VN 248	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 3:00 PM	HAN 5:10 PM	A350	CY	02:10	
VN 252	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 3:30 PM	HAN 5:40 PM	A350	CY	02:10	
VN 256	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 4:00 PM	HAN 6:10 PM	B787	CY	02:10	
VN 258	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 4:30 PM	HAN 6:40 PM	A350	CY	02:10	
VN 262	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 5:00 PM	HAN 7:10 PM	B787	CY	02:10	
VN 266	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 6:00 PM	HAN 8:10 PM	A350	CY	02:10	
VN 4006*	29-Oct-17	24-Mar-18	12__6_	SGN 6:30 PM	HAN 8:25 PM	A320	Y	02:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 272	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 7:00 PM	HAN 9:10 PM	B787	CY	02:10	
VN 274	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 7:30 PM	HAN 9:40 PM	A330	CY	02:10	
VN 4022*	29-Oct-17	24-Mar-18	1_3_5__	SGN 7:45 PM	HAN 9:55 PM	A320	Y	02:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 276	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 8:00 PM	HAN 10:10 PM	B787	CY	02:10	
VN 4020*	30-Oct-17	24-Mar-18	1234_67	SGN 8:15 PM	HAN 10:30 PM	A320	Y	02:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 284	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 8:30 PM	HAN 10:35 PM	A321	CY	02:05	
VN 286	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 9:30 PM	HAN 11:35 PM	A321	CY	02:05	
VN 4012*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 10:00 PM	HAN 12:05 AM	A320	Y	02:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 4008*	29-Oct-17	24-Mar-18	123456_	SGN 10:30 PM	HAN 12:25 AM	A320	Y	02:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
HÀ NỘI ⇄ ĐÀ NẴNG									
Từ Hà Nội đến Đà Nẵng									
VN 161	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 6:00 AM	DAD 7:20 AM	A321	CY	01:20	
VN 4063*	30-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 9:00 AM	DAD 10:20 AM	A320	Y	01:20	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 163	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 9:30 AM	DAD 10:50 AM	A321	CY	01:20	
VN 165	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 10:30 AM	DAD 11:50 AM	A321	CY	01:20	
VN 171	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 12:00 PM	DAD 1:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 4059*	29-Oct-17	24-Mar-18	1_3_5_7	HAN 12:15 PM	DAD 1:35 PM	A320	Y	01:20	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN 173	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 12:30 PM	DAD 1:50 PM	A321	CY	01:20	
VN 175	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 2:00 PM	DAD 3:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 177	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 3:00 PM	DAD 4:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 4065*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 3:30 PM	DAD 4:50 PM	A320	Y	01:20	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 181	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 4:30 PM	DAD 5:50 PM	A321	CY	01:20	
VN 185	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 6:30 PM	DAD 7:50 PM	A321	CY	01:20	
VN 187	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 9:00 PM	DAD 10:20 PM	A321	CY	01:20	
Từ Đà Nẵng đến Hà Nội									
VN 160	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 6:30 AM	HAN 7:50 AM	A321	CY	01:20	
VN 168	29-Oct-17	24-Mar-18	_2_4_6_	DAD 7:30 AM	HAN 8:50 AM	A321	CY	01:20	
VN 166	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 8:00 AM	HAN 9:20 AM	A321	CY	01:20	
VN 168	29-Oct-17	24-Mar-18	1_3_5_7	DAD 10:30 AM	HAN 11:50 AM	A321	CY	01:20	
VN 4062*	30-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 11:00 AM	HAN 12:20 PM	A320	Y	01:20	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 170	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 11:30 AM	HAN 12:50 PM	A321	CY	01:20	
VN 172	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 1:00 PM	HAN 2:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 174	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 2:15 PM	HAN 3:35 PM	A321	CY	01:20	
VN 176	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 2:45 PM	HAN 4:05 PM	A321	CY	01:20	
VN 184	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 5:15 PM	HAN 6:35 PM	A321	CY	01:20	
VN 4056*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234_67	DAD 5:30 AM	HAN 6:50 AM	A320	Y	01:20	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 4058*	29-Oct-17	24-Mar-18	_2_45__	DAD 6:15 PM	HAN 7:35 PM	A320	Y	01:20	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 186	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 6:45 PM	HAN 8:05 PM	A321	CY	01:20	
VN 190	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 8:45 PM	HAN 10:05 PM	A321	CY	01:20	
TP. HỒ CHÍ MINH ↔ ĐÀ NẴNG									
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Đà Nẵng									
VN 110	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 6:30 AM	DAD 7:50 AM	A330	CY	01:20	
VN 112	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 8:00 AM	DAD 9:20 AM	A321	CY	01:20	
VN 4030*	29-Oct-17	24-Mar-18	_2345__	SGN 8:15 AM	DAD 9:35 AM	A320	Y	01:20	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 4038*	29-Oct-17	24-Mar-18	12_4567	SGN 8:45 AM	DAD 10:05 AM	A320	Y	01:20	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 116	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 9:30 AM	DAD 10:50 AM	A321	CY	01:20	
VN 120	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 10:00 AM	DAD 11:20 AM	A321	CY	01:20	

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN 122	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 11:30 AM	DAD 12:50 PM	A330	CY	01:20	
VN 4032*	30-Oct-17	24-Mar-18	123456_	SGN 12:00 PM	DAD 1:20 PM	A320	Y	01:20	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 124	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 12:15 PM	DAD 1:35 PM	A321	CY	01:20	
VN 4034*	29-Oct-17	24-Mar-18	_23_5_7	SGN 12:30 PM	DAD 1:50 PM	A320	Y	01:20	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 126	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 1:30 PM	DAD 2:50 PM	A321	CY	01:20	
VN 128	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 2:30 PM	DAD 3:50 PM	A321	CY	01:20	
VN 130	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 3:00 PM	DAD 4:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 4042*	30-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 3:30 PM	DAD 4:50 PM	A320	Y	01:20	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 132	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 4:30 PM	DAD 5:50 PM	A330	CY	01:20	
VN 136	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 6:00 PM	DAD 7:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 4044*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 6:15 PM	DAD 7:35 PM	A320	Y	01:20	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 4068*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 6:45 PM	DAD 8:05 PM	A320	Y	01:20	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 140	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 8:00 PM	DAD 9:20 PM	A321	CY	01:20	
Từ Đà Nẵng đến TP. Hồ Chí Minh									
VN 105	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 6:30 AM	SGN 7:55 AM	A321	CY	01:25	
VN 113	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 9:00 AM	SGN 10:25 AM	A330	CY	01:25	
VN 117	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 10:15 AM	SGN 11:45 AM	A321	CY	01:30	
VN 121	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 11:45 AM	SGN 1:10 PM	A321	CY	01:25	
VN 123	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 12:15 PM	SGN 1:40 PM	A321	CY	01:25	
VN 4039*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234_6_	DAD 1:00 PM	SGN 2:25 PM	A320	Y	01:25	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 125	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 2:00 PM	SGN 3:25 PM	A330	CY	01:25	
VN 4033*	29-Oct-17	24-Mar-18	123456_	DAD 2:15 PM	SGN 3:40 PM	A320	Y	01:25	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 127	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 2:30 PM	SGN 3:55 PM	A321	CY	01:25	
VN 129	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 3:45 PM	SGN 5:10 PM	A321	CY	01:25	
VN 4049*	29-Oct-17	24-Mar-18	123_56_	DAD 4:00 PM	SGN 5:25 PM	A320	Y	01:25	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 131	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 4:45 PM	SGN 6:10 PM	A321	CY	01:25	
VN 133	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 5:15 PM	SGN 6:40 PM	A321	CY	01:25	
VN 4043*	30-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 5:45 PM	SGN 7:10 PM	A320	Y	01:25	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN 135	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 7:00 PM	SGN 8:25 PM	A330	CY	01:25	
VN 4045*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 8:00 PM	SGN 9:25 PM	A320	Y	01:25	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 141	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 8:15 PM	SGN 9:40 PM	A321	CY	01:25	
VN 4069*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 8:45 PM	SGN 10:10 PM	A320	Y	01:25	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
TỪ/ĐẾN ⇐⇒ HÀ NỘI									
Hà Nội ⇄ Buôn Ma Thuột									
Từ Hà Nội đến Buôn Ma Thuột									
VN 4127*	29-Oct-17	24-Mar-18	_2_4_6_	HAN 6:30 AM	BMV 8:10 AM	A320	Y	01:40	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 1601	29-Oct-17	23-Mar-18	1_3_5_7	HAN 7:10 AM	BMV 8:50 AM	A321	CY	01:40	
Từ Buôn Ma Thuột đến Hà Nội									
VN 4126*	29-Oct-17	24-Mar-18	_2_4_6_	BMV 8:45 AM	HAN 10:25 AM	A320	Y	01:40	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 1600	29-Oct-17	23-Mar-18	1_3_5_7	BMV 9:35 AM	HAN 11:15 AM	A321	CY	01:40	
Hà Nội ⇄ Cần Thơ									
Từ Hà Nội đến Cần Thơ									
VN 1201	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 6:50 AM	VCA 9:00 AM	A321	CY	02:10	
VN 1203	29-Oct-17	22-Mar-18	1_3_4_7	HAN 11:10 AM	VCA 1:20 PM	A321	CY	02:10	
VN 1205	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 5:00 PM	VCA 7:10 PM	A321	CY	02:10	
Từ Cần Thơ đến Hà Nội									
VN 1200	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	VCA 9:45 AM	HAN 11:50 AM	A321	CY	02:05	
VN 1202	29-Oct-17	22-Mar-18	1_3_4_7	VCA 2:05 PM	HAN 4:10 PM	A321	CY	02:05	
VN 1204	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	VCA 7:55 PM	HAN 10:00 PM	A321	CY	02:05	
Hà Nội ⇄ Chu Lai									
Từ Hà Nội đến Chu Lai									
VN 1641	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 7:25 AM	VCL 9:00 AM	A321	CY	01:35	
Từ Chu Lai đến Hà Nội									
VN 1640	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	VCL 9:45 AM	HAN 11:10 AM	A321	CY	01:25	
Hà Nội ⇄ Đà Lạt									
Từ Hà Nội đến Đà Lạt									
VN 4181*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 11:00 AM	DLI 12:50 PM	A320	Y	01:50	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 1577	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 11:40 AM	DLI 1:35 PM	A321	CY	01:55	

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Từ Đà Lạt đến Hà Nội								
VN 4180*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	DLI 1:25 PM	HAN 3:15 PM	A320	Y	01:50	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
VN 1576	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	DLI 2:15 PM	HAN 4:05 PM	A321	CY	01:50	
Hà Nội ↔ Huế								
Từ Hà Nội đến Huế								
VN 1543	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 8:40 AM	HUI 9:55 AM	A321	CY	01:15	
VN 1547	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 1:55 PM	HUI 3:10 PM	A321	CY	01:15	
VN 1545	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 7:15 PM	HUI 8:30 PM	A321	CY	01:15	
Từ Huế đến Hà Nội								
VN 1542	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HUI 10:35 AM	HAN 11:50 AM	A321	CY	01:15	
VN 1546	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HUI 3:50 PM	HAN 5:05 PM	A321	CY	01:15	
VN 1544	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HUI 9:10 PM	HAN 10:25 PM	A321	CY	01:15	
Hà Nội ↔ Nha Trang								
Từ Hà Nội đến Nha Trang								
VN 1553	29-Oct-17 24-Mar-18	1_3__67	HAN 6:20 AM	CXR 8:15 AM	A321	CY	01:55	
VN 1557	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 9:30 AM	CXR 11:25 AM	A321	CY	01:55	
VN 4191*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234_67	HAN 12:50 PM	CXR 2:40 PM	A320	Y	01:50	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
VN 1563	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 1:10 PM	CXR 3:05 PM	A321	CY	01:55	
VN 1561	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 4:25 PM	CXR 6:20 PM	A321	CY	01:55	
Từ Nha Trang đến Hà Nội								
VN 1550	29-Oct-17 24-Mar-18	1_3__67	CXR 9:00 AM	HAN 10:50 AM	A321	CY	01:50	
VN 1552	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CXR 12:10 PM	HAN 2:00 PM	A321	CY	01:50	
VN 4190*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234_67	CXR 3:15 PM	HAN 5:05 PM	A320	Y	01:50	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
VN 1560	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CXR 3:50 PM	HAN 5:40 PM	A321	CY	01:50	
VN 1558	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CXR 7:05 PM	HAN 8:55 PM	A321	CY	01:50	
Hà Nội ↔ Phú Quốc								
Từ Hà Nội đến Phú Quốc								
VN 4201*	29-Oct-17 24-Mar-18	_34567	HAN 9:00 AM	PQC 11:10 AM	A320	Y	02:10	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
VN 1233	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 9:30 AM	PQC 11:40 AM	A321	CY	02:10	
VN 1237	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 11:40 AM	PQC 1:50 PM	A321	CY	02:10	
VN 1231	29-Oct-17 24-Mar-18	_2__567	HAN 5:00 PM	PQC 7:10 PM	A321	CY	02:10	

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Từ Phú Quốc đến Hà Nội								
VN 4200*	29-Oct-17 24-Mar-18	1_3_567	PQC 11:45 AM	HAN 1:55 PM	A320	Y	02:10	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
VN 1232	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	PQC 12:25 PM	HAN 2:30 PM	A321	CY	02:05	
VN 1236	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	PQC 2:35 PM	HAN 4:40 PM	A321	CY	02:05	
VN 1230	29-Oct-17 24-Mar-18	_2__567	PQC 7:55 PM	HAN 10:00 PM	A321	CY	02:05	
Hà Nội ↔ Pleiku								
Từ Hà Nội đến Pleiku								
VN 1613	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 7:20 AM	PXU 8:55 AM	A321	CY	01:35	
Từ Pleiku đến Hà Nội								
VN 1612	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	PXU 9:40 AM	HAN 11:10 AM	A321	CY	01:30	
Hà Nội ↔ Qui Nhơn								
Từ Hà Nội đến Qui Nhơn								
VN 1621	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 6:10 AM	UIH 7:45 AM	A321	CY	01:35	
VN 1625	30-Oct-17 24-Mar-18	1_3_56_	HAN 5:55 PM	UIH 7:30 PM	A321	CY	01:35	
Từ Qui Nhơn đến Hà Nội								
VN 1620	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	UIH 8:30 AM	HAN 10:00 AM	A321	CY	01:30	
VN 1624	30-Oct-17 24-Mar-18	1_3_56_	UIH 8:15 PM	HAN 9:45 PM	A321	CY	01:30	
Hà Nội ↔ Tuy Hòa								
Từ Hà Nội đến Tuy Hòa								
VN 1651	29-Oct-17 23-Mar-18	_2_45_7	HAN 11:30 AM	TBB 1:15 PM	A321	CY	01:45	
Từ Tuy Hòa đến Hà Nội								
VN 1650	29-Oct-17 23-Mar-18	_2_45_7	TBB 2:00 PM	HAN 3:45 PM	A321	CY	01:45	
Hà Nội ↔ Vinh								
Từ Hà Nội đến Vinh								
VN 1715	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 6:20 PM	VII 7:10 PM	A321	CY	00:50	
Từ Vinh đến Hà Nội								
VN 1714	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	VII 7:55 PM	HAN 8:45 PM	A321	CY	00:50	

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
TỪ/ĐẾN ⇌ TP. HỒ CHÍ MINH								
TP. Hồ Chí Minh ⇌ Buôn Ma Thuột								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Buôn Ma Thuột								
VN 4120*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 10:30 AM	BMV 11:25 AM	A320	Y	00:55	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
VN 1414	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 7:45 PM	BMV 8:45 PM	A321	CY	01:00	
VN 1416	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 8:25 PM	BMV 9:25 PM	A321	CY	01:00	
Từ Buôn Ma Thuột đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 4121*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	BMV 12:00 PM	SGN 12:55 PM	A320	Y	00:55	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
VN 1415	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	BMV 9:30 PM	SGN 10:25 PM	A321	CY	00:55	
VN 1417	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	BMV 10:10 PM	SGN 11:05 PM	A321	CY	00:55	
TP. Hồ Chí Minh ⇌ Chu Lai								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Chu Lai								
VN 4218*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 09:30 AM	VCL 10:50 AM	A320	Y	01:20	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
Từ Chu Lai đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 4219*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	VCL 11:25 PM	SGN 12:45 PM	A320	Y	01:20	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
TP. Hồ Chí Minh ⇌ Đà Lạt								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Đà Lạt								
VN 1380	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 7:20 AM	DLI 8:10 AM	A321	CY	00:50	
VN 1384	1-Jan-18 24-Mar-18	1234567	SGN 1:10 PM	DLI 2:05 PM	ATR	Y	00:55	
VN 1382	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 4:00 PM	DLI 4:50 PM	A321	CY	00:50	
VN 4186*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 4:00 PM	DLI 4:50 PM	A320	Y	00:50	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
VN 4188	29-Oct-17 24-Mar-18	1_3_5_7	SGN 6:40 AM	DLI 7:30 AM	A320	Y	00:50	
Từ Đà Lạt đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 1381	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	DLI 8:55 AM	SGN 9:45 AM	A321	CY	00:50	
VN 1385	1-Jan-18 24-Mar-18	1234567	DLI 2:35 PM	SGN 3:30 PM	ATR	Y	00:55	
VN 1383	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	DLI 5:35 PM	SGN 6:25 PM	A321	CY	00:50	
VN 4187*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	DLI 5:35 PM	SGN 6:25 PM	A320	Y	00:50	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
VN 4189	29-Oct-17 24-Mar-18	1_3_5_7	DLI 8:05 AM,	SGN 8:55 AM	A320	Y	00:50	

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
TP. Hồ Chí Minh ↔ Đồng Hới										
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Đồng Hới										
VN 1400	29-Oct-17	24-Mar-18	_2_4_67	SGN 7:20 AM	VDH 8:55 AM		A321	CY	01:35	
VN 4170*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 12:00 PM	VDH 1:35 PM		A320	Y	01:35	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines										
Từ Đồng Hới đến TP. Hồ Chí Minh										
VN 1401	29-Oct-17	24-Mar-18	_2_4_67	VDH 9:40 AM	SGN 11:10 AM		A321	CY	01:30	
VN 4171*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	VDH 2:10 PM	SGN 3:50 PM		A320	Y	01:40	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines										
TP. Hồ Chí Minh ↔ Hải Phòng										
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Hải Phòng										
VN 1182	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 5:55 AM	HPH 7:55 AM		A321	CY	02:00	
VN 4070*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 7:00 AM	HPH 9:00 AM		A320	Y	02:00	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines										
VN 1186	29-Oct-17	24-Mar-18	1_34567	SGN 10:40 AM	HPH 12:40 PM		A321	CY	02:00	
VN 1184	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 1:50 PM	HPH 3:50 PM		A321	CY	02:00	
VN 1188	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 6:00 PM	HPH 8:00 PM		A321	CY	02:00	
VN 4076*	30-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 7:35 PM	HPH 9:35 PM		A320	Y	02:00	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines										
Từ Hải Phòng đến TP. Hồ Chí Minh										
VN 1183	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HPH 8:40 AM	SGN 10:45 AM		A321	CY	02:05	
VN 4071*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HPH 9:35 AM	SGN 11:30 AM		A320	Y	01:55	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines										
VN 1187	29-Oct-17	24-Mar-18	1_34567	HPH 1:25 PM	SGN 3:30 PM		A321	CY	02:05	
VN 1185	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HPH 4:35 PM	SGN 6:40 PM		A321	CY	02:05	
VN 1189	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HPH 8:45 PM	SGN 10:50 PM		A321	CY	02:05	
VN 4077*	30-Oct-17	24-Mar-18	1234_67	HPH 10:10 PM	SGN 12:05 AM		A320	Y	01:55	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines										
TP. Hồ Chí Minh ↔ Huế										
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Huế										
VN 1370	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 5:50 AM	HUI 7:15 AM		A321	CY	01:25	
VN 4090*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 7:00 AM	HUI 8:25 AM		A320	Y	01:25	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines										
VN 1372	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 11:10 AM	HUI 12:35 PM		A321	CY	01:25	
VN 1374	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 4:00 PM	HUI 5:25 PM		A321	CY	01:25	
VN 1378	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 7:40 PM	HUI 9:05 PM		A321	CY	01:25	

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Từ Huế đến TP. Hồ Chí Minh											
VN 1371	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HUI	7:55 AM	SGN	9:25 AM	A321	CY	01:30	
VN 4091*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HUI	9:00 AM	SGN	10:25 AM	A320	Y	01:25	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN 1373	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HUI	1:15 PM	SGN	2:45 PM	A321	CY	01:30	
VN 1375	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HUI	6:05 PM	SGN	7:35 PM	A321	CY	01:30	
VN 1379	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HUI	9:45 PM	SGN	11:15 PM	A321	CY	01:30	
TP. Hồ Chí Minh ↔ Nha Trang											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Nha Trang											
VN 4104*	2-Nov-17	24-Mar-18	123456_	SGN	6:00 AM	CXR	7:10 AM	A320	CY	01:10	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN 1344	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	9:10 AM	CXR	10:20 AM	A321	CY	01:10	
VN 1346	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	12:55 PM	CXR	2:05 PM	A321	CY	01:10	
VN 4102	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	5:25 PM	CXR	6:35 PM	A320	Y	01:10	
VN 4106*	29-Oct-17	24-Mar-18	_234_6_	SGN	3:50 PM	CXR	5:00 PM	A320	CY	01:10	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN 1348	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	4:00 PM	CXR	5:10 PM	A321	CY	01:10	
VN 1350	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	6:35 PM	CXR	7:45 PM	A321	CY	01:10	
Từ Nha Trang đến TP. Hồ Chí Minh											
VN 4107*	29-Oct-17	24-Mar-18	_234567	CXR	2:10 AM	SGN	3:15 AM	A320	Y	01:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN 1345	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	CXR	11:05 AM	SGN	12:05 PM	A321	CY	01:00	
VN 1347	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	CXR	2:50 PM	SGN	3:50 PM	A321	CY	01:00	
VN 1349	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	CXR	5:55 PM	SGN	6:55 PM	A321	CY	01:00	
VN 4103	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	CXR	7:10 PM	SGN	8:20 PM	A320	Y	01:10	
VN 4109*	29-Oct-17	24-Mar-18	_234_6_	CXR	6:05 PM	SGN	7:10 PM	A320	Y	01:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN 1351	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	CXR	8:30 PM	SGN	9:30 PM	A321	CY	01:00	
TP. Hồ Chí Minh ↔ Phú Quốc											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Phú Quốc											
VN 4113*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	6:00 AM	PQC	7:05 AM	A320	Y	01:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN 1823	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	7:05 AM	PQC	8:05 AM	A321	CY	01:00	
VN 1825	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	9:45 AM	PQC	10:45 AM	A321	CY	01:00	
VN 4115*	30-Oct-17	24-Mar-18	1234_67	SGN	12:10 PM	PQC	1:15 PM	A320	Y	01:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN 1831	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	12:20 PM	POC	1:20 PM	A321	CY	01:00	

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN 4111*	29-Oct-17	24-Mar-18	__34567	SGN 2:20 PM	PQC 3:25 PM	A320	Y	01:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 1827	29-Oct-17	24-Mar-18	12_4567	SGN 4:00 PM	PQC 5:00 PM	A321	CY	01:00	
VN 1829	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 5:50 PM	PQC 6:50 PM	A321	CY	01:00	
VN 4119*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 6:50 PM	PQC 7:55 PM	A320	Y	01:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 4125	29-Oct-17	24-Mar-18	__3_5_7	SGN 10:55 AM	PQC 12:00 PM	A320	Y	01:05	
Từ Phú Quốc đến TP. Hồ Chí Minh									
VN 4116*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	PQC 7:40 AM	SGN 8:45 AM	A320	Y	01:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 1822	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	PQC 8:50 AM	SGN 9:55 AM	A321	CY	01:05	
VN 1824	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	PQC 11:30 AM	SGN 12:35 PM	A321	CY	01:05	
VN 4110*	29-Oct-17	24-Mar-18	__3456_	PQC 11:45 AM	SGN 12:50 PM	A320	Y	01:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 1830	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	PQC 2:05 PM	SGN 3:10 PM	A321	CY	01:05	
VN 1826	29-Oct-17	24-Mar-18	12_4567	PQC 5:45 PM	SGN 6:50 PM	A321	CY	01:05	
VN 4114*	30-Oct-17	24-Mar-18	_2345_7	PQC 6:10 PM	SGN 7:15 PM	A320	Y	01:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 1828	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	PQC 7:35 PM	SGN 8:40 PM	A321	CY	01:05	
VN 4112*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	PQC 8:30 PM	SGN 9:35 PM	A320	Y	01:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 4124	29-Oct-17	24-Mar-18	__3_5_7	PQC 12:35 PM	SGN 13:40 PM	A320	Y	01:05	
TP. Hồ Chí Minh ↔ Pleiku									
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Pleiku									
VN 4220*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 8:40 AM	PXU 9:50 AM	A320	Y	01:10	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 1426	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 11:10 AM	PXU 12:20 PM	A321	CY	01:10	
Từ Pleiku đến TP. Hồ Chí Minh									
VN 4221*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	PXU 10:25 AM	SGN 11:35 AM	A320	Y	01:10	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									
VN 1427	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	PXU 1:05 PM	SGN 2:10 PM	A321	CY	01:05	
TP. Hồ Chí Minh ↔ Qui Nhơn									
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Qui Nhơn									
VN 1392	29-Oct-17	23-Mar-18	1_3_5_7	SGN 5:55 AM	UIH 7:05 AM	A321	CY	01:10	
VN 1394	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 7:05 AM	UIH 8:15 AM	A321	CY	01:10	
VN 1396	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 1:40 PM	UIH 2:50 PM	A321	CY	01:10	
VN 4152*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 3:00 PM	UIH 4:10 PM	A320	Y	01:10	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines									

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Từ Quy Nhơn đến TP. Hồ Chí Minh											
VN 1393	29-Oct-17	23-Mar-18	1_3_5_7	UIH	7:55 AM	SGN	9:05 AM	A321	CY	01:10	
VN 1395	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	UIH	9:05 AM	SGN	10:15 AM	A321	CY	01:10	
VN 1397	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	UIH	3:35 PM	SGN	4:45 PM	A321	CY	01:10	
VN 4153*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	UIH	4:45 PM	SGN	5:50 PM	A320	Y	01:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
TP. Hồ Chí Minh ↔ Thanh Hóa											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Thanh Hóa											
VN 4144*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	5:20 AM	THD	7:20 AM	A320	Y	02:00	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN 1270	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	12:35 PM	THD	2:35 PM	A321	CY	02:00	
VN 4142*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	6:30 PM	THD	8:30 PM	A320	Y	02:00	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Từ Thanh Hóa đến TP. Hồ Chí Minh											
VN 4145*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	THD	7:55 AM	SGN	9:55 AM	A320	Y	02:00	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN 1271	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	THD	3:20 PM	SGN	5:20 PM	A321	CY	02:00	
VN 4143*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	THD	9:05 PM	SGN	11:05 PM	A320	Y	02:00	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
TP. Hồ Chí Minh ↔ Tuy Hòa											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Tuy Hòa											
VN 4164*	29-Oct-17	24-Mar-18	1__4567	SGN	1:35 PM	TBB	2:45 PM	A320	Y	01:10	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Từ Tuy Hòa đến TP. Hồ Chí Minh											
VN 4165*	29-Oct-17	24-Mar-18	1__4567	TBB	3:20 PM	SGN	4:30 PM	A320	Y	01:10	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
TP. Hồ Chí Minh ↔ Vinh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Vinh											
VN 4080*	29-Oct-17	24-Mar-18	123456_	SGN	6:25 AM	VII	8:15 AM	A320	Y	01:50	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN 1262	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	6:55 AM	VII	8:45 AM	A321	CY	01:50	
VN 1264	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	10:35 AM	VII	12:25 PM	A321	CY	01:50	
VN 1266	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	6:00 PM	VII	7:50 PM	A321	CY	01:50	
VN 1268	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	7:15 PM	VII	9:05 PM	A321	CY	01:50	
VN 4084*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	6:50 PM	VII	8:40 PM	A320	CY	01:50	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Từ Vinh đến TP. Hồ Chí Minh											
VN 4081*	29-Oct-17	24-Mar-18	123456_	VII	8:50 AM	SGN	10:40 AM	A320	Y	01:50	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN 1263	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	VII	9:30 AM	SGN	11:20 AM	A321	CY	01:50	
VN 1265	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	VII	1:10 PM	SGN	3:00 PM	A321	CY	01:50	
VN 1267	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	VII	8:35 PM	SGN	10:25 PM	A321	CY	01:50	
VN 1269	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	VII	9:50 PM	SGN	11:40 PM	A321	CY	01:50	
VN 4085*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	VII	9:15 PM	SGN	10:55 PM	A320	CY	01:50	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
TỪ/ĐẾN ⇐⇒ ĐÀ NẴNG											
Đà Nẵng ↔ Buôn Ma Thuột											
Từ Đà Nẵng đến Buôn Ma Thuột											
VN 1911	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD	6:15 AM	BMV	7:30 AM	ATR	Y	01:15	
VN 1913	29-Oct-17	24-Mar-18	_3_5_7	DAD	6:50 PM	BMV	8:05 PM	ATR	Y	01:15	
Từ Buôn Ma Thuột đến Đà Nẵng											
VN 1910	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	BMV	8:05 AM	DAD	9:15 AM	ATR	Y	01:10	
VN 1912	29-Oct-17	24-Mar-18	_3_5_7	BMV	8:45 PM	DAD	9:55 PM	ATR	Y	01:15	
Đà Nẵng ↔ Đà Lạt											
Từ Đà Nẵng đến Đà Lạt											
VN 1955	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD	9:55 AM	DLI	11:35 AM	A321	CY	01:40	
Từ Đà Lạt đến Đà Nẵng											
VN 1954	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DLI	12:15 PM	DAD	1:45 PM	ATR	Y	01:30	
Đà Nẵng ↔ Hải Phòng											
Từ Đà Nẵng đến Hải Phòng											
VN 1672	29-Oct-17	23-Mar-18	1_3_5_7	DAD	6:25 AM	HPH	7:40 AM	A321	CY	01:15	
Từ Hải Phòng đến Đà Nẵng											
VN 1673	29-Oct-17	23-Mar-18	1_3_5_7	HPH	8:25 AM	DAD	9:40 AM	A321	CY	01:15	
Đà Nẵng ↔ Nha Trang											
Từ Đà Nẵng đến Nha Trang											
VN 1945	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD	12:05 PM	CXR	1:20 PM	A321	CY	01:15	
Từ Nha Trang đến Đà Nẵng											
VN 1944	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	CXR	6:30 AM	DAD	7:35 AM	A321	CY	01:05	
Đà Nẵng ↔ Pleiku											
Từ Đà Nẵng đến Pleiku											
VN 1901	31-Oct-17	24-Mar-18	_2_4_6_	DAD	2:25 PM	PXU	3:30 PM	ATR	Y	01:05	
Từ Pleiku đến Đà Nẵng											
VN 1900	31-Oct-17	24-Mar-18	_2_4_6_	PXU	4:05 PM	DAD	5:00 PM	ATR	Y	00:55	

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
NỘI ĐỊA KHÁC								
Nha Trang ↔ Vinh								
Từ Nha Trang đến Vinh								
VN 4156*	29-Oct-17 24-Mar-18	12_4_6_	CXR 11:10 AM	VII 12:45 PM	A320	Y	01:35	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
Từ Vinh đến Nha Trang								
VN 4157*	29-Oct-17 24-Mar-18	12_4_6_	VII 9:00 AM	CXR 10:35 AM	A320	Y	01:35	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực
 Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
--------------------	--------------------	----------	--------------	-------------	--------------	----------	---------------	-----------

✈ QUỐC TẾ

CHÂU Á

Ấn Độ

Delhi ↔ Hà Nội

Từ Hà Nội đến Delhi

VN 615/3258* 29-Oct-17 24-Mar-18 1234567 HAN 12:40 PM DEL 11:25 PM A321/B738 CY 12:15 BKK

* Chuyển bay hợp tác với Jet Airways India

Từ Delhi đến Hà Nội

VN 3259*/610 29-Oct-17 24-Mar-18 1234567 DEL 11:25 PM HAN 2:10 PM B738/A321 CY 13:15 BKK

* Chuyển bay hợp tác với Jet Airways India

Delhi ↔ TP. Hồ Chí Minh

Từ TP. Hồ Chí Minh đến Delhi

VN 655/3266* 29-Oct-17 24-Mar-18 1234567 SGN 2:20 PM DEL 11:00 PM A321/B738 CY 10:10 SIN

* Chuyển bay hợp tác với Jet Airways India

Từ Delhi đến TP. Hồ Chí Minh

VN 3265*/658 29-Oct-17 24-Mar-18 1234567 DEL 9:55 AM SGN 9:35 PM B738/A321 CY 10:10 SIN

* Chuyển bay hợp tác với Jet Airways India

Chennai ↔ Hà Nội

Từ Chennai đến Hà Nội

VN 3269*/662 29-Oct-17 24-Mar-18 1234567 MAA 2:40 AM HAN 3:40 PM B738/A321 CY 11:30 SIN

* Chuyển bay hợp tác với Jet Airways India

Mumbai ↔ Hà Nội

Từ Hà Nội đến Mumbai

VN 613/3250* 29-Oct-17 24-Mar-18 1234567 HAN 3:30 PM BOM 12:35 AM A321/B738 CY 10:35 BKK

* Chuyển bay hợp tác với Jet Airways India

Từ Mumbai đến Hà Nội

VN 3253*/612 29-Oct-17 24-Mar-18 1234567 BOM 7:55 AM HAN 8:25 PM B738/A321 CY 11:00 BKK

* Chuyển bay hợp tác với Jet Airways India

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Mumbai ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Mumbai								
VN 655/3260*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 2:20 PM	BOM 10:50 PM	A321/B738	CY	10:00	SIN
* Chuyển bay hợp tác với Jet Airways India								
Từ Mumbai đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 3263*/658	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	BOM 9:50 AM	SGN 9:35 PM	B738/A321	CY	10:15	SIN
* Chuyển bay hợp tác với Jet Airways India								
Chennai ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ Chennai đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 3269*/650	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	MAA 2:40 AM	SGN 2:25 PM	B738/A321	CY	10:15	SIN
* Chuyển bay hợp tác với Jet Airways India								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất								
Abu Dhabi ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Abu Dhabi								
VN613/3281*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 3:30 PM	AUH 12:05 AM	A321/B777	CY	11:35	BKK
* Chuyển bay hợp tác với Etihad Airways								
Từ Abu Dhabi đến Hà Nội								
VN3284*/610	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	AUH 11:40 PM	HAN 2:10 PM	B777/A321	CY	11:30	BKK
* Chuyển bay hợp tác với Etihad Airways								
Abu Dhabi ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Abu Dhabi								
VN603/3281*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 4:55 PM	AUH 12:05 AM	A321/B777	CY	10:10	BKK
* Chuyển bay hợp tác với Etihad Airways								
VN3272*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 7:50 PM	AUH 12:50 AM	A332	CY	08:00	
* Chuyển bay hợp tác với Etihad Airways								
Từ Abu Dhabi đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3273*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	AUH 8:15 AM	SGN 6:30 PM	AB332	CY	07:15	
* Chuyển bay hợp tác với Etihad Airways								
VN3284*/600	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	AUH 11:40 PM	SGN 1:00 PM	B777/A321	CY	10:20	BKK
* Chuyển bay hợp tác với Etihad Airways								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Campuchia								
Phnom Penh ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Phnom Penh								
VN 839/3809*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 5:05 PM	PNH 9:35 PM	A321/ATR	CY	4:30	REP
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
Từ Phnom Penh đến Hà Nội								
VN 3804*/834	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	PNH 11:40 AM	HAN 10:15 PM	ATR/A321	CY	10:35	REP
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
Phnom Penh ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Phnom Penh								
VN 3851*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 8:30 AM	PNH 9:25 AM	ATR	Y	00:55	
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 3855*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 12:25 PM	PNH 1:25 PM	ATR	Y	01:00	
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 920	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 4:00 PM	PNH 5:00 PM	A321	CY	01:00	
VN 813/3809*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 4:20 PM	PNH 9:35 PM	A321/ATR	CY	5:15	REP
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 3853*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 6:40 PM	PNH 7:40 PM	ATR	Y	01:00	
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
Từ Phnom Penh đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 3852*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	PNH 6:50 AM	SGN 7:50 AM	ATR	Y	01:00	
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 921	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	PNH 9:40 AM	SGN 10:50 AM	A321	CY	01:00	
VN 3806*/810	29-Oct-17 24-Mar-18	__3_5_7	PNH 1:55 PM	SGN 12:15 AM +1	ATR	Y	10:20	REP
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 3856*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	PNH 4:55 PM	SGN 5:55 PM	ATR	Y	01:00	
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 3850*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	PNH 9:10 PM	SGN 10:10 PM	ATR	Y	01:00	
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
Phnom Penh ↔ Viêng Chăn								
Từ Phnom Penh đến Viêng Chăn								
VN 920	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	PNH 4:00 PM	VTE 5:00 PM	A321	CY	01:00	
Sihanoukville ↔ Hà Nội								
Từ Sihanoukville đến Hà Nội								
VN 3800*/836	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	KOS 1:30 PM	HAN 7:40 PM	ATR/A321	CY	6:10	REP
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Sihanoukville ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Sihanoukville								
VN 3837*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 8:15 AM	KOS 9:30 AM	ATR	Y	01:15	
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
Từ Sihanoukville đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 3836*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	KOS 10:15 AM	SGN 11:30 AM	ATR	Y	01:15	
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 3800*/810	29-Oct-17 24-Mar-18	__3_5_7	KOS 1:30 PM	SGN 12:15 AM +1	ATR	Y	10:45	REP
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
Xiêm Riệp ↔ Đà Nẵng								
Từ Đà Nẵng đến Xiêm Riệp								
VN 3831*	29-Oct-17 24-Mar-18	1_3_5_7	DAD 11:35 AM	REP 1:35 PM	ATR	Y	02:00	
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 3829*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	DAD 5:30 PM	REP 7:30 PM	ATR	Y	02:00	
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
Từ Xiêm Riệp đến Đà Nẵng								
VN 3830*	29-Oct-17 24-Mar-18	1_3_5_7	REP 9:05 AM	DAD 10:55 AM	ATR	Y	01:50	
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 3828*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	REP 3:00 PM	DAD 4:50 PM	ATR	Y	01:45	
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
Xiêm Riệp ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Xiêm Riệp								
VN 837	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 3:10 PM	REP 4:55 PM	A321	CY	01:45	
VN 841	18-Nov-17 24-Mar-18	123__67	HAN 4:25 PM	REP 6:10 PM	A321	CY	01:45	
VN 839	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 5:05 PM	REP 6:50 PM	A321	CY	01:45	
VN 835	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 5:55 PM	REP 7:40 PM	A321	CY	01:45	
Từ Xiêm Riệp đến Hà Nội								
VN 3832*/593	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	REP 8:25 AM	HAN 3:40 PM	A320/A321	CY	7:15	HKG
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 836	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	REP 5:55 PM	HAN 7:40 PM	A321	CY	01:45	
VN 840	18-Nov-17 24-Mar-18	123__67	REP 7:15 PM	HAN 9:00 PM	A321	CY	01:45	
VN 838	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	REP 7:50 PM	HAN 9:35 PM	A321	CY	01:45	
VN 834	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	REP 8:30 PM	HAN 10:15 PM	A321	CY	01:45	

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Xiêm Riệp ↔ Luang Prabang								
Từ Xiêm Riệp đến Luang Prabang								
VN 930	30-Oct-17 24-Mar-18	1_3456_	REP 5:05 PM	LPQ 6:35 PM	A321	CY	01:00	
Xiêm Riệp ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Xiêm Riệp								
VN 3819*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 6:50 AM	REP 8:20 AM	A320	Y	01:10	
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 3825*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 12:00 PM	REP 1:10 PM	A320	Y	01:10	
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 3821*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 4:00 PM	REP 5:10 PM	A320	Y	01:10	
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 920/3808*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 4:00 PM	REP 7:35 PM	A321/A320	CY	3:25	PNH
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 813	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 4:20 PM	REP 5:30 PM	A321	CY	01:10	
VN 815	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 7:25 PM	REP 8:35 PM	A321	CY	01:10	
VN 811	29-Oct-17 23-Mar-18	__3_5_7	SGN 8:20 PM	REP 9:50 PM	ATR	Y	01:30	
Từ Xiêm Riệp đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 3811*/921	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	REP 7:00 AM	SGN 10:50 AM	A320/A321	CY	3:40	PNH
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 3818*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	REP 10:10 AM	SGN 11:20 AM	A320	Y	01:10	
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 3824*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	REP 1:45 PM	SGN 2:55 PM	A320	Y	00:50	
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 812	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	REP 6:30 PM	SGN 7:45 PM	A321	CY	01:15	
VN 3822*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	REP 9:05 PM	SGN 10:15 PM	A320	Y	01:10	
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 814	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	REP 9:35 PM	SGN 10:50 PM	A321	CY	01:15	
VN 810	29-Oct-17 23-Mar-18	__3_5_7	REP 10:25 PM	SGN 12:15 AM +1	ATR	Y	01:50	

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Đài Loan								
Cao Hùng ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Cao Hùng								
VN 586	29-Oct-17 23-Mar-18	1234567	HAN 6:40 PM	KHH 9:55 PM	A321	CY	02:15	
Từ Cao Hùng đến Hà Nội								
VN 587	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	KHH 8:40 AM	HAN 10:20 AM	A321	CY	02:40	
Cao Hùng ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Cao Hùng								
VN 582	29-Oct-17 23-Mar-18	_2_5_7	SGN 9:55 AM	KHH 1:50 PM	A321	CY	02:55	
VN 580	29-Oct-17 23-Mar-18	1234567	SGN 6:05 PM	KHH 10:00 PM	A321	CY	02:55	
Từ Cao Hùng đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 581	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	KHH 7:30 AM	SGN 9:35 AM	A321	CY	03:05	
VN 583	29-Oct-17 23-Mar-18	_2_5_7	KHH 2:50 PM	SGN 4:55 PM	A321	CY	03:05	
Đài Bắc ↔ Đà Nẵng								
Từ Đà Nẵng đến Đài Bắc								
VN 4294*	29-Oct-17 24-Mar-18	_2_45_7	DAD 11:00 AM	TPE 2:35 PM	A320	Y	02:35	
<i>* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines</i>								
Từ Đài Bắc đến Đà Nẵng								
VN 4295*	29-Oct-17 24-Mar-18	_2_45_7	TPE 3:40 PM	DAD 5:15 PM	A320	Y	02:35	
<i>* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines</i>								
Đài Bắc ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Đài Bắc								
VN 576	31-Oct-17 24-Mar-18	_23_56_	HAN 8:25 AM	TPE 11:55 AM	A321	CY	02:30	
VN 3584*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 11:35 AM	TPE 3:10 PM	A330	CY	02:35	
<i>* Chuyển bay hợp tác với China Airlines</i>								
VN 578	29-Oct-17 23-Mar-18	1234567	HAN 5:35 PM	TPE 9:05 PM	A321	CY	02:30	
Từ Đài Bắc đến Hà Nội								
VN 579	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	TPE 7:35 AM	HAN 9:45 AM	A321	CY	03:10	
VN 3585*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	TPE 8:25 AM	HAN 11:35 AM	A330	CY	04:10	
<i>* Chuyển bay hợp tác với China Airlines</i>								
VN 577	31-Oct-17 24-Mar-18	_23_56_	TPE 1:25 PM	HAN 3:35 PM	A321	CY	03:10	

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Đài Bắc ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Đài Bắc											
VN3580*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	10:50 AM	TPE	3:15 PM	A330	CY	03:25	
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines											
VN570	29-Oct-17	23-Mar-18	1234567	SGN	4:45 PM	TPE	9:10 PM	A321	CY	03:25	
VN3582*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	5:45 PM	TPE	10:10 PM	A330	CY	03:25	
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines											
Từ Đài Bắc đến TP. Hồ Chí Minh											
VN3581*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	TPE	7:30 AM	SGN	9:50 AM	A330	CY	03:20	
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines											
VN571	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	TPE	7:45 AM	SGN	10:15 AM	A321	CY	03:30	
VN3583*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	TPE	2:20 PM	SGN	4:45 PM	A330	CY	03:25	
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực
 Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Hàn Quốc											
Busan ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Busan											
VN426	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN	12:25 AM	PUS	6:10 AM	A330	CY	03:45	
Từ Busan đến Hà Nội											
VN427	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	PUS	10:30 AM	HAN	1:15 PM	A330	CY	04:45	
Busan ↔ Luang Prabang											
Từ Luang Prabang đến Busan											
VN930/426	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	LPQ	5:05 PM	PUS	6:10 AM	A321/A330	CY	11:05	HAN
Từ Busan đến Luang Prabang											
VN427/2905*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	PUS	10:30 AM	LPQ	7:50 PM	A330/ATR	CY	11:20	HAN
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines											
Busan ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Busan											
VN422	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	12:30 AM	PUS	7:10 AM	A330	CY	04:40	
Từ Busan đến TP. Hồ Chí Minh											
VN423	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	PUS	10:00 AM	SGN	1:20 PM	A330	CY	05:20	
Busan ↔ Xiêm Riệp											
Từ Busan đến Xiêm Riệp											
VN423/811	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	PUS	10:00 AM	REP	9:50 PM	A330/ATR	CY	13:50	SGN
VN423/813	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	PUS	10:00 AM	REP	5:30 PM	A330/A321	CY	9:30	SGN
VN423/815	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	PUS	10:00 AM	REP	8:35 PM	A330/A321	CY	12:35	SGN
VN423/3821*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	PUS	10:00 AM	REP	5:10 PM	A330/A320	CY	9:10	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN427/835	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	PUS	10:30 AM	REP	7:40 PM	A330/A321	CY	11:10	HAN
VN427/837	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	PUS	10:30 AM	REP	4:55 PM	A330/A321	CY	8:25	HAN
VN427/839	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	PUS	10:30 AM	REP	6:50 PM	A330/A321	CY	10:20	HAN
VN427/841	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	PUS	10:30 AM	REP	6:10 PM	A330/A321	CY	9:40	HAN
Từ Xiêm Riệp đến Busan											
VN3818*/422	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	10:10 AM	PUS	7:10 AM	A320/A330	CY	19:00	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN3824*/422	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	1:45 PM	PUS	7:10 AM	A320/A330	CY	15:25	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN836/426	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	5:55 PM	PUS	6:10 AM	A321/A330	CY	10:15	HAN
VN812/422	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	6:30 PM	PUS	7:10 AM	A321/A330	CY	10:40	SGN
VN840/426	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	7:15 PM	PUS	6:10 AM	A321/A330	CY	8:55	HAN
VN838/426	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	7:50 PM	PUS	6:10 AM	A321/A330	CY	8:20	HAN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN 834/426	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP 8:30 PM	PUS 6:10 AM	A321/A330	CY	7:40	HAN
VN 3822*/422	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP 9:05 PM	PUS 7:10 AM	A320/A330	CY	8:05	SGN
<i>* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air</i>									
VN 814/422	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP 9:35 PM	PUS 7:10 AM	A321/A330	CY	7:35	SGN
VN 810/422	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP 10:25 PM	PUS 7:10 AM	ATR/A330	CY	6:45	SGN
Busan ↔ Yangon									
Từ Busan đến Yangon									
VN 427/957	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	PUS 10:30 AM	RGN 6:00 PM	A330/A321	CY	10:00	HAN
Từ Yangon đến Busan									
VN 942/422	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	RGN 12:10 PM	PUS 7:10 AM	A321/A330	CY	16:30	SGN
VN 956/426	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	RGN 6:55 PM	PUS 6:10 AM	A321/A330	CY	8:45	HAN
Seoul ↔ Đà Nẵng									
Từ Đà Nẵng đến Seoul									
VN 430	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 1:10 AM	ICN 7:25 AM	A321	CY	04:15	
VN 3440*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD 11:15 PM	ICN 5:30 AM +1	A330	CIY	04:15	
<i>* Chuyển bay hợp tác với Korean Air</i>									
Từ Seoul đến Đà Nẵng									
VN 431	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	ICN 10:45 AM	DAD 1:40 PM	A321	CY	04:55	
VN 3441*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	ICN 6:40 PM	DAD 9:45 PM	A330	CIY	05:05	
<i>* Chuyển bay hợp tác với Korean Air</i>									
Seoul ↔ Hà Nội									
Từ Hà Nội đến Seoul									
VN 414	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 10:25 AM	ICN 4:30 PM	A321	CY	04:05	
VN 3412*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 12:35 PM	ICN 6:45 PM	B737	CY	04:10	
<i>* Chuyển bay hợp tác với Korean Air</i>									
VN 3410*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 11:10 PM	ICN 5:05 AM +1	A330	CIY	03:55	
<i>* Chuyển bay hợp tác với Korean Air</i>									
VN 416	29-Oct-17	23-Mar-18	1234567	HAN 11:35 PM	ICN 5:30 AM +1	A350	CY	03:55	
Từ Seoul đến Hà Nội									
VN 3415*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	ICN 8:10 AM	HAN 11:15 AM +1	B737	CY	05:05	
<i>* Chuyển bay hợp tác với Korean Air</i>									
VN 417	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	ICN 10:35 AM	HAN 1:25 PM	A350	CY	04:50	
VN 415	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	ICN 6:05 PM	HAN 9:00 PM	A321	CY	04:55	
VN 3411*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	ICN 6:40 PM	HAN 9:40 PM +1	A330	CIY	05:00	
<i>* Chuyển bay hợp tác với Korean Air</i>									
VN 3411*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	ICN 6:40 PM	HAN 9:40 PM	A330	CIY	05:00	
<i>* Chuyển bay hợp tác với Korean Air</i>									

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Seoul ↔ Luang Prabang								
Từ Seoul đến Luang Prabang								
VN 417/2905*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	ICN 10:35 AM	LPQ 7:50 PM	A350/ATR	CY	11:15	HAN
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines								
Từ Luang Prabang đến Seoul								
VN 930/416	29-Oct-17 23-Mar-18	1234567	LPQ 5:05 PM	ICN 5:30 AM +1	A321/A350	CY	10:25	HAN
Seoul ↔ Nha Trang								
Từ Nha Trang đến Seoul								
VN 3408*	29-Oct-17 24-Mar-18	1__45_7	CXR 12:50 AM	ICN 7:55 AM	B737	CY	05:05	
* Chuyển bay hợp tác với Korean Air								
Từ Seoul đến Nha Trang								
VN 3409*	29-Oct-17 24-Mar-18	__34_67	ICN 8:30 PM	CXR 11:45 PM	B737	CY	05:15	
* Chuyển bay hợp tác với Korean Air								
Seoul ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Seoul								
VN 406	29-Oct-17 23-Mar-18	_2__5_7	SGN 12:05 AM	ICN 7:10 AM	A321	CY	05:05	
VN 404	30-Oct-17 24-Mar-18	1_34_6_	SGN 9:20 AM	ICN 4:25 PM	A321	CY	05:05	
VN 3402*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 1:05 PM	ICN 8:15 PM	B737	CY	05:10	
* Chuyển bay hợp tác với Korean Air								
VN 3400*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 11:05 PM	ICN 5:55 AM +1	A330	CIY	04:50	
* Chuyển bay hợp tác với Korean Air								
VN 408	29-Oct-17 23-Mar-18	1234567	SGN 11:45 PM	ICN 6:30 AM +1	A350	CY	04:45	
Từ Seoul đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 3403*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	ICN 8:10 AM	SGN 12:00 PM	B737	CY	05:50	
* Chuyển bay hợp tác với Korean Air								
VN 409	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	ICN 10:15 AM	SGN 1:45 PM	A350	CY	05:30	
VN 407	29-Oct-17 23-Mar-18	_2__5_7	ICN 11:05 AM	SGN 2:45 PM	A321	CY	05:40	
VN 405	30-Oct-17 24-Mar-18	1_34_6_	ICN 5:55 PM	SGN 9:35 PM	A321	CY	05:40	
VN 3401*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	ICN 6:10 PM	SGN 9:45 PM	A330	CIY	05:35	
* Chuyển bay hợp tác với Korean Air								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Seoul ↔ Xiêm Riệp											
Từ Seoul đến Xiêm Riệp											
VN 409/811	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	ICN	10:15 AM	REP	9:50 PM	A350/ATR	CY	13:35	SGN
VN 409/813	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	ICN	10:15 AM	REP	5:30 PM	A350/A321	CY	9:15	SGN
VN 409/815	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	ICN	10:15 AM	REP	8:35 PM	A350/A321	CY	12:20	SGN
VN 409/3821*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	ICN	10:15 AM	REP	5:10 PM	A350/A320	CY	8:55	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN 417/835	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	ICN	10:35 AM	REP	7:40 PM	A350/A321	CY	11:05	HAN
VN 417/837	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	ICN	10:35 AM	REP	4:55 PM	A350/A321	CY	8:20	HAN
VN 417/839	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	ICN	10:35 AM	REP	6:50 PM	A350/A321	CY	10:15	HAN
VN 417/841	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	ICN	10:35 AM	REP	6:10 PM	A350/A321	CY	9:35	HAN
VN 431/3829*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	ICN	10:45 AM	REP	7:30 PM	A321/ATR	CY	10:45	DAD
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN 407/811	29-Oct-17	23-Mar-18	_2__5_7	ICN	11:05 AM	REP	9:50 PM	A321/ATR	CY	12:45	SGN
VN 407/813	29-Oct-17	23-Mar-18	_2__5_7	ICN	11:05 AM	REP	5:30 PM	A321/A321	CY	8:25	SGN
VN 407/815	29-Oct-17	23-Mar-18	_2__5_7	ICN	11:05 AM	REP	8:35 PM	A321/A321	CY	11:30	SGN
VN 407/3821*	29-Oct-17	23-Mar-18	_2__5_7	ICN	11:05 AM	REP	5:10 PM	A321/A320	CY	8:05	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
Từ Xiêm Riệp đến Seoul											
VN 3830*/430	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	9:05 AM	ICN	7:25 AM	ATR/A321	CY	20:20	DAD
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN 3818*/406	29-Oct-17	23-Mar-18	_2__5_7	REP	10:10 AM	ICN	7:10 AM	A320/A321	CY	19:00	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN 3818*/408	29-Oct-17	23-Mar-18	1234567	REP	10:10 AM	ICN	6:30 AM +1	A320/A350	CY	18:20	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN 3824*/406	29-Oct-17	23-Mar-18	_2__5_7	REP	1:45 PM	ICN	7:10 AM	A320/A321	CY	15:25	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN 3824*/408	29-Oct-17	23-Mar-18	1234567	REP	1:45 PM	ICN	6:30 AM +1	A320/A350	CY	14:45	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN 3828*/430	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	3:00 PM	ICN	7:25 AM	ATR/A321	CY	14:25	DAD
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN 836/416	29-Oct-17	23-Mar-18	1234567	REP	5:55 PM	ICN	5:30 AM +1	A321/A350	CY	9:35	HAN
VN 812/406	29-Oct-17	23-Mar-18	_2__5_7	REP	6:30 PM	ICN	7:10 AM	A321/A321	CY	10:40	SGN
VN 812/408	29-Oct-17	23-Mar-18	1234567	REP	6:30 PM	ICN	6:30 AM +1	A321/A350	CY	10:00	SGN
VN 840/416	29-Oct-17	23-Mar-18	1234567	REP	7:15 PM	ICN	5:30 AM +1	A321/A350	CY	8:15	HAN
VN 838/416	29-Oct-17	23-Mar-18	1234567	REP	7:50 PM	ICN	5:30 AM +1	A321/A350	CY	7:40	HAN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN 834/416	29-Oct-17	23-Mar-18	1234567	REP 8:30 PM	ICN 5:30 AM	+1	A321/A350	CY	7:00	HAN
VN 3822*/406	29-Oct-17	23-Mar-18	_2__5_7	REP 9:05 PM	ICN 7:10 AM		A320/A321	CY	8:05	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air										
VN 3822*/408	29-Oct-17	23-Mar-18	1234567	REP 9:05 PM	ICN 6:30 AM	+1	A320/A350	CY	7:25	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air										
VN 814/406	29-Oct-17	23-Mar-18	_2__5_7	REP 9:35 PM	ICN 7:10 AM		A321/A321	CY	7:35	SGN
VN 810/404	30-Oct-17	24-Mar-18	1_34_6_	REP 10:25 PM	ICN 4:25 PM		ATR/A321	CY	16:00	SGN
VN 810/406	29-Oct-17	23-Mar-18	_2__5_7	REP 10:25 PM	ICN 7:10 AM		ATR/A321	CY	6:45	SGN
VN 810/408	29-Oct-17	23-Mar-18	1234567	REP 10:25 PM	ICN 6:30 AM	+1	ATR/A350	CY	6:05	SGN
Seoul ↔ Yangon										
Từ Seoul đến Yangon										
VN 417/957	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	ICN 10:35 AM	RGN 6:00 PM		A350/A321	CY	9:55	HAN
Từ Yangon đến Seoul										
VN 942/406	29-Oct-17	23-Mar-18	_2__5_7	RGN 12:10 PM	ICN 7:10 AM		A321/A321	CY	16:30	SGN
VN 942/408	29-Oct-17	23-Mar-18	1234567	RGN 12:10 PM	ICN 6:30 AM	+1	A321/A350	CY	15:50	SGN
VN 956/416	29-Oct-17	23-Mar-18	1234567	RGN 6:55 PM	ICN 5:30 AM	+1	A321/A350	CY	8:05	HAN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Hồng Công								
Hồng Công ↔ Đà Nẵng								
Từ Đà Nẵng đến Hồng Công								
VN 4276*	29-Oct-17 24-Mar-18	12__56_	DAD 10:30 AM	HKG 1:15 PM	A320	Y	01:45	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
Từ Hồng Công đến Đà Nẵng								
VN 4277*	29-Oct-17 24-Mar-18	12__56_	HKG 2:15 PM	DAD 3:00 PM	A320	Y	01:45	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
Hồng Công ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Hồng Công								
VN 4270*	29-Oct-17 24-Mar-18	12_4_67	HAN 9:35 AM	HKG 12:25 PM	A320	Y	01:50	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
VN 592	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 10:35 AM	HKG 1:30 PM	A321	CY	01:55	
Từ Hồng Công đến Hà Nội								
VN 4271*	29-Oct-17 24-Mar-18	12_4_67	HKG 1:25 PM	HAN 2:25 PM	A320	Y	02:00	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
VN 3833*/836	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HKG 1:45 PM	HAN 7:40 PM	A320/A321	CY	6:55	REP
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 593	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HKG 2:30 PM	HAN 3:40 PM	A321	CY	02:10	
Hồng Công ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Hồng Công								
VN 3564*	29-Oct-17 24-Mar-18	1__456_	SGN 6:15 AM	HKG 9:55 AM	A330	CY	02:40	
* Chuyển bay hợp tác với Cathay Pacific Airways								
VN 594	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 10:30 AM	HKG 2:15 PM	A321	CY	02:45	
VN 3562*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 11:15 AM	HKG 3:10 PM	A330	CY	02:55	
* Chuyển bay hợp tác với Cathay Pacific Airways								
VN 598	29-Oct-17 22-Mar-18	_2_4__7	SGN 6:10 PM	HKG 9:55 PM	A321	CY	02:45	
VN 3560*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 7:05 PM	HKG 10:50 PM	A320	CY	02:45	
* Chuyển bay hợp tác với Cathay Pacific Airways								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Từ Hồng Kông đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 599	30-Oct-17 23-Mar-18	1_3_5__	HKG 7:55 AM	SGN 9:35 AM	A321	CY	02:40	
VN 3563*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HKG 8:35 AM	SGN 10:10 AM	A330	CY	02:35	
* Chuyển bay hợp tác với Cathay Pacific Airways								
VN 3833*/814	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HKG 1:45 PM	SGN 10:50 PM	A320/A321	CY	10:05	REP
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 595	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HKG 3:20 PM	SGN 5:00 PM	A321	CY	02:40	
VN 3561*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HKG 4:20 PM	SGN 5:55 PM	A330	CY	02:35	
* Chuyển bay hợp tác với Cathay Pacific Airways								
VN 3565*	29-Oct-17 24-Mar-18	__345_7	HKG 10:30 PM	SGN 12:05 AM +1	A350	CY	02:35	
* Chuyển bay hợp tác với Cathay Pacific Airways								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Indonesia											
Jakarta ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Jakarta											
VN631	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	9:55 AM	CGK	1:05 PM	A321	CY	03:10	
Từ Jakarta đến TP. Hồ Chí Minh											
VN630	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	CGK	1:55 PM	SGN	5:10 PM	A321	CY	03:15	

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực
 Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Lào											
Luang Prabang ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Luang Prabang											
VN931	30-Oct-17	24-Mar-18	1_3456_	HAN	12:50 PM	LPQ	4:10 PM	A321	CY	01:10	
VN2905*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN	6:50 PM	LPQ	7:50 PM	ATR	Y	01:00	
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines											
Từ Luang Prabang đến Hà Nội											
VN930	30-Oct-17	24-Mar-18	1_3456_	LPQ	5:05 PM	HAN	6:35 PM	A321	CY	01:00	
Phnom Penh ↔ Viêng Chăn											
Từ Viêng Chăn đến Phnom Penh											
VN921	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	VTE	9:40 AM	PNH	10:50 AM	A321	CY	01:00	
Viêng Chăn ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Viêng Chăn											
VN921	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN	9:40 AM	VTE	10:50 AM	A321	CY	01:00	
VN2897*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN	4:40 PM	VTE	5:50 PM	A320	Y	01:10	
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines											
Từ Viêng Chăn đến Hà Nội											
VN2896*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	VTE	2:40 PM	HAN	3:50 PM	A320	Y	01:10	
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines											
VN920	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	VTE	4:00 PM	HAN	5:00 PM	A321	CY	01:00	
Xiêm Riệp ↔ Luang Prabang											
Từ Luang Prabang đến Xiêm Riệp											
VN931	30-Oct-17	24-Mar-18	1_3456_	LPQ	12:50 PM	REP	4:10 PM	A321	CY	01:10	

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Malaysia											
Kuala Lumpur ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Kuala Lumpur											
VN681	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN	3:25 PM	KUL	7:45 PM	A321	CY	03:20	
Từ Kuala Lumpur đến Hà Nội											
VN680	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	KUL	7:30 PM	HAN	9:35 PM	A321	CY	03:05	
Kuala Lumpur ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Kuala Lumpur											
VN675	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	3:30 PM	KUL	6:30 PM	A321	CY	02:00	
Từ Kuala Lumpur đến TP. Hồ Chí Minh											
VN674	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	KUL	8:50 PM	SGN	9:45 PM	A321	CY	01:55	

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Myanmar											
Yangon ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Yangon											
VN957	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN	4:30 PM	RGN	6:00 PM	A321	CY	02:00	
Từ Yangon đến Hà Nội											
VN956	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	RGN	6:55 PM	HAN	9:15 PM	A321	CY	01:50	
Yangon ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Yangon											
VN943	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	9:25 AM	RGN	11:10 AM	A321	CY	02:15	
Từ Yangon đến TP. Hồ Chí Minh											
VN942	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	RGN	12:10 PM	SGN	3:05 PM	A321	CY	02:25	

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Nhật Bản								
Akita ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Akita								
VN 384/3389*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 8:30 AM	AXT 7:15 PM	A350/B738	CY	8:45	HND
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
Từ Akita đến Hà Nội								
VN 3388*/385	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	AXT 11:55 AM	HAN 8:50 PM	B738/A350	CY	10:55	HND
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
Fukuoka ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Fukuoka								
VN 356	30-Oct-17 24-Mar-18	12__56_	HAN 1:30 AM	FUK 7:20 AM	A321	CY	03:50	
Từ Fukuoka đến Hà Nội								
VN 357	30-Oct-17 24-Mar-18	12__56_	FUK 10:30 AM	HAN 1:30 PM	A321	CY	05:00	
Fukuoka ↔ Luang Prabang								
Từ Fukuoka đến Luang Prabang								
VN 357/2905*	30-Oct-17 24-Mar-18	12__56_	FUK 10:30 AM	LPQ 7:50 PM	A321/ATR	CY	11:20	HAN
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines								
Từ Luang Prabang đến Fukuoka								
VN 930/356	30-Oct-17 24-Mar-18	12__56_	LPQ 5:05 PM	FUK 7:20 AM	A321/A321	CY	12:15	HAN
Fukuoka ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Fukuoka								
VN 350	29-Oct-17 22-Mar-18	__34__7	SGN 12:40 AM	FUK 7:20 AM	A321	CY	04:40	
Từ Fukuoka đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 351	29-Oct-17 22-Mar-18	__34__7	FUK 10:30 AM	SGN 2:00 PM	A321	CY	05:30	
Fukuoka ↔ Xiêm Riệp								
Từ Fukuoka đến Xiêm Riệp								
VN 351/811	29-Oct-17 22-Mar-18	__34__7	FUK 10:30 AM	REP 9:50 PM	A321/ATR	CY	13:20	SGN
VN 351/813	29-Oct-17 22-Mar-18	__34__7	FUK 10:30 AM	REP 5:30 PM	A321/A321	CY	9:00	SGN
VN 351/815	29-Oct-17 22-Mar-18	__34__7	FUK 10:30 AM	REP 8:35 PM	A321/A321	CY	12:05	SGN
VN 351/3821*	29-Oct-17 22-Mar-18	__34__7	FUK 10:30 AM	REP 5:10 PM	A321/A320	CY	8:40	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN 357/835	30-Oct-17 24-Mar-18	12__56_	FUK 10:30 AM	REP 7:40 PM	A321/A321	CY	11:10	HAN
VN 357/837	30-Oct-17 24-Mar-18	12__56_	FUK 10:30 AM	REP 4:55 PM	A321/A321	CY	8:25	HAN
VN 357/839	30-Oct-17 24-Mar-18	12__56_	FUK 10:30 AM	REP 6:50 PM	A321/A321	CY	10:20	HAN
VN 357/841	30-Oct-17 24-Mar-18	12__56_	FUK 10:30 AM	REP 6:10 PM	A321/A321	CY	9:40	HAN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Từ Xiêm Riệp đến Fukuoka								
VN3818*/350	29-Oct-17 22-Mar-18	__34__7	REP 10:10 AM	FUK 7:20 AM	A320/A321	CY	19:10	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN3824*/350	29-Oct-17 22-Mar-18	__34__7	REP 1:45 PM	FUK 7:20 AM	A320/A321	CY	15:35	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN836/356	30-Oct-17 24-Mar-18	12__56__	REP 5:55 PM	FUK 7:20 AM	A321/A321	CY	11:25	HAN
VN812/350	29-Oct-17 22-Mar-18	__34__7	REP 6:30 PM	FUK 7:20 AM	A321/A321	CY	10:50	SGN
VN840/356	30-Oct-17 24-Mar-18	12__56__	REP 7:15 PM	FUK 7:20 AM	A321/A321	CY	10:05	HAN
VN838/356	30-Oct-17 24-Mar-18	12__56__	REP 7:50 PM	FUK 7:20 AM	A321/A321	CY	9:30	HAN
VN834/356	30-Oct-17 24-Mar-18	12__56__	REP 8:30 PM	FUK 7:20 AM	A321/A321	CY	8:50	HAN
VN3822*/350	29-Oct-17 22-Mar-18	__34__7	REP 9:05 PM	FUK 7:20 AM	A320/A321	CY	8:15	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN814/350	29-Oct-17 22-Mar-18	__34__7	REP 9:35 PM	FUK 7:20 AM	A321/A321	CY	7:45	SGN
VN810/350	29-Oct-17 22-Mar-18	__34__7	REP 10:25 PM	FUK 7:20 AM	ATR/A321	CY	6:55	SGN
Fukuoka ↔ Yangon								
Từ Fukuoka đến Yangon								
VN357/957	30-Oct-17 24-Mar-18	12__56__	FUK 10:30 AM	RGN 6:00 PM	A321/A321	CY	10:00	HAN
Từ Yangon đến Fukuoka								
VN942/350	29-Oct-17 22-Mar-18	__34__7	RGN 12:10 PM	FUK 7:20 AM	A321/A321	CY	16:40	SGN
VN956/356	30-Oct-17 24-Mar-18	12__56__	RGN 6:55 PM	FUK 7:20 AM	A321/A321	CY	9:55	HAN
Hiroshima ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Hiroshima								
VN384/3393*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 8:30 AM	HIJ 6:25 PM	A350/A321	CY	7:55	HND
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
Từ Hiroshima đến Hà Nội								
VN3392*/385	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HIJ 1:00 PM	HAN 8:50 PM	A321/A350	CY	9:50	HND
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
Komatsu ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Komatsu								
VN384/3391*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 8:30 AM	KMQ 8:50 PM	A350/B738	CY	10:20	HND
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
Từ Komatsu đến Hà Nội								
VN3390*/385	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	KMQ 10:15 AM	HAN 8:50 PM	A321/A350	CY	12:35	HND
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Matsuyama ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Matsuyama								
VN346/3488*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 12:20 AM	MYJ 1:40 PM	A321/DH8	CY	11:20	NGO
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
Matsuyama ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Matsuyama								
VN340/3488*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 12:35 AM	MYJ 1:40 PM	A321/DH8	CY	11:05	NGO
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
Nagoya ↔ Đà Nẵng								
Từ Đà Nẵng đến Nagoya								
VN318/3481*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	DAD 12:10 AM	NGO 6:10 PM	A321/B738	CY	15:00	NRT
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
Nagoya ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Nagoya								
VN346	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 12:20 AM	NGO 6:30 AM	A321	CY	04:10	
VN310/3481*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 12:40 AM	NGO 6:10 PM	B787/B738	CY	15:30	NRT
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
Từ Nagoya đến Hà Nội								
VN347	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	NGO 10:15 AM	HAN 2:00 PM	A321	CY	05:45	
Nagoya ↔ Luang Prabang								
Từ Luang Prabang đến Nagoya								
VN930/346	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	LPQ 5:05 PM	NGO 6:30 AM	A321/A321	CY	11:25	HAN
Từ Nagoya đến Luang Prabang								
VN347/2905*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	NGO 10:15 AM	LPQ 7:50 PM	A321/ATR	CY	11:35	HAN
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines								
Nagoya ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Nagoya								
VN340	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 12:35 AM	NGO 7:35 AM	A321	CY	05:00	
VN302/3481*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 5:45 AM	NGO 6:10 PM	A321/B738	CY	10:25	NRT
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
Từ Nagoya đến TP. Hồ Chí Minh								
VN341	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	NGO 10:00 AM	SGN 2:05 PM	A321	CY	06:05	
Nagoya ↔ Xiêm Riệp								
Từ Nagoya đến Xiêm Riệp								
VN341/811	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	NGO 10:00 AM	REP 9:50 PM	A321/ATR	CY	13:50	SGN
VN341/813	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	NGO 10:00 AM	REP 5:30 PM	A321/A321	CY	9:30	SGN
VN341/815	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	NGO 10:00 AM	REP 8:35 PM	A321/A321	CY	12:35	SGN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN 341/3821*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	NGO	10:00 AM	REP	5:10 PM	A321/A320	CY	9:10	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN 347/835	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	NGO	10:15 AM	REP	7:40 PM	A321/A321	CY	11:25	HAN
VN 347/837	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	NGO	10:15 AM	REP	4:55 PM	A321/A321	CY	8:40	HAN
VN 347/839	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	NGO	10:15 AM	REP	6:50 PM	A321/A321	CY	10:35	HAN
VN 347/841	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	NGO	10:15 AM	REP	6:10 PM	A321/A321	CY	9:55	HAN
Từ Xiêm Riệp đến Nagoya											
VN 3818*/340	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	10:10 AM	NGO	7:35 AM	A320/A321	CY	19:25	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN 3824*/340	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	1:45 PM	NGO	7:35 AM	A320/A321	CY	15:50	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN 836/346	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	5:55 PM	NGO	6:30 AM	A321/A321	CY	10:35	HAN
VN 812/340	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	6:30 PM	NGO	7:35 AM	A321/A321	CY	11:05	SGN
VN 840/346	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	7:15 PM	NGO	6:30 AM	A321/A321	CY	9:15	HAN
VN 838/346	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	7:50 PM	NGO	6:30 AM	A321/A321	CY	8:40	HAN
VN 834/346	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	8:30 PM	NGO	6:30 AM	A321/A321	CY	8:00	HAN
VN 3822*/340	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	9:05 PM	NGO	7:35 AM	A320/A321	CY	8:30	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN 814/340	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	9:35 PM	NGO	7:35 AM	A321/A321	CY	8:00	SGN
VN 810/340	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	10:25 PM	NGO	7:35 AM	ATR/A321	CY	7:10	SGN
Nagoya ↔ Yangon											
Từ Nagoya đến Yangon											
VN 347/957	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	NGO	10:15 AM	RGN	6:00 PM	A321/A321	CY	10:15	HAN
Từ Yangon đến Nagoya											
VN 942/340	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	RGN	12:10 PM	NGO	7:35 AM	A321/A321	CY	16:55	SGN
VN 956/346	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	RGN	6:55 PM	NGO	6:30 AM	A321/A321	CY	9:05	HAN
Niigata ↔ Đà Nẵng											
Từ Đà Nẵng đến Niigata											
VN 318/3349*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD	12:10 AM	KIJ	6:45 PM	A321/DH8	CY	16:35	NRT
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways											
Niigata ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Niigata											
VN 310/3349*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN	12:40 AM	KIJ	6:45 PM	B787/DH8	CY	16:05	NRT
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways											
Niigata ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Niigata											
VN 302/3349*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	5:45 AM	KIJ	6:45 PM	A321/DH8	CY	10:00	NRT
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Okayama ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Okayama								
VN384/3355*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 8:30 AM	OKJ 7:20 PM	A350/B738	CY	8:50	HND
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
Từ Okayama đến Hà Nội								
VN3354*/385	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	OKJ 12:20 PM	HAN 8:50 PM	B738/A350	CY	10:30	HND
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
Okinawa ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Okinawa								
VN384/3377*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 8:30 AM	OKA 7:50 PM	A350/B738	CY	9:20	HND
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
Từ Okinawa đến Hà Nội								
VN3376*/385	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	OKA 11:25 AM	HAN 8:50 PM	B772/A350	CY	11:25	HND
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
Osaka ↔ Đà Nẵng								
Từ Đà Nẵng đến Osaka								
VN318/3361*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	DAD 12:10 AM	ITM 6:20 PM	A321/B738	CY	16:10	NRT
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
VN4288*	29-Oct-17 24-Mar-18	1_3_5_7	DAD 2:30 PM	KIX 9:15 PM	A320	CY	04:45	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
Từ Osaka đến Đà Nẵng								
VN4289*	29-Oct-17 24-Mar-18	12_4_6_	KIX 9:15 AM	DAD 12:00 PM	A320	CY	04:45	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
Osaka ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Osaka								
VN330	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 12:35 AM	KIX 6:40 AM	B787	CY	04:05	
VN356/3490*	29-Oct-17 24-Mar-18	12__56_	HAN 1:30 AM	ITM 5:35 PM	A321/DH8	CY	14:05	FUK
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
VN4292*	29-Oct-17 24-Mar-18	12_4_6_	HAN 1:45 AM	KIX 8:15 AM	A320	CY	04:30	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
Từ Osaka đến Hà Nội								
VN3491*/357	29-Oct-17 24-Mar-18	12__56_	ITM 7:05 AM	HAN 1:30 PM	B735/A321	CY	8:25	FUK
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
VN331	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	KIX 10:30 AM	HAN 1:40 PM	B787	CY	05:10	
VN4293*	29-Oct-17 24-Mar-18	1_3_5_7	KIX 10:15 PM	HAN 12:40 AM	A320	CY	04:25	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Osaka ↔ Luang Prabang								
Từ Osaka đến Luang Prabang								
VN331/2905*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	KIX 10:30 AM	LPQ 7:50 PM	B787/ATR	CY	11:20	HAN
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines								
Từ Luang Prabang đến Osaka								
VN930/330	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	LPQ 5:05 PM	KIX 6:40 AM	A321/B787	CY	11:35	HAN
Osaka ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Osaka								
VN320	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 12:20 AM	KIX 7:00 AM	B787	CY	04:40	
VN302/3361*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 5:45 AM	ITM 6:20 PM	A321/B738	CY	10:35	NRT
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
Từ Osaka đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3491*/351	29-Oct-17 24-Mar-18	__34__7	ITM 7:05 AM	SGN 2:00 PM	B735/A321	CY	8:55	FUK
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
VN321	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	KIX 10:30 AM	SGN 2:15 PM	B787	CY	05:45	
Osaka ↔ Xiêm Riệp								
Từ Osaka đến Xiêm Riệp								
VN321/811	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	KIX 10:30 AM	REP 9:50 PM	B787/ATR	CY	13:20	SGN
VN321/813	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	KIX 10:30 AM	REP 5:30 PM	B787/A321	CY	9:00	SGN
VN321/815	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	KIX 10:30 AM	REP 8:35 PM	B787/A321	CY	12:05	SGN
VN321/3821*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	KIX 10:30 AM	REP 5:10 PM	B787/A320	CY	8:40	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN331/835	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	KIX 10:30 AM	REP 7:40 PM	B787/A321	CY	11:10	HAN
VN331/837	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	KIX 10:30 AM	REP 4:55 PM	B787/A321	CY	8:25	HAN
VN331/839	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	KIX 10:30 AM	REP 6:50 PM	B787/A321	CY	10:20	HAN
VN331/841	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	KIX 10:30 AM	REP 6:10 PM	B787/A321	CY	9:40	HAN
Từ Xiêm Riệp đến Osaka								
VN3818*/320	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	REP 10:10 AM	KIX 7:00 AM	A320/B787	CY	18:50	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN3824*/320	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	REP 1:45 PM	KIX 7:00 AM	A320/B787	CY	15:15	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN836/330	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	REP 5:55 PM	KIX 6:40 AM	A321/B787	CY	10:45	HAN
VN812/320	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	REP 6:30 PM	KIX 7:00 AM	A321/B787	CY	10:30	SGN
VN840/330	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	REP 7:15 PM	KIX 6:40 AM	A321/B787	CY	9:25	HAN
VN838/330	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	REP 7:50 PM	KIX 6:40 AM	A321/B787	CY	8:50	HAN
VN834/330	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	REP 8:30 PM	KIX 6:40 AM	A321/B787	CY	8:10	HAN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN3822*/320	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	9:05 PM	KIX	7:00 AM	A320/B787	CY	7:55	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN814/320	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	9:35 PM	KIX	7:00 AM	A321/B787	CY	7:25	SGN
VN810/320	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP	10:25 PM	KIX	7:00 AM	ATR/B787	CY	6:35	SGN
Osaka ↔ Yangon											
Từ Osaka đến Yangon											
VN331/957	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	KIX	10:30 AM	RGN	6:00 PM	B787/A321	CY	10:00	HAN
Từ Yangon đến Osaka											
VN942/320	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	RGN	12:10 PM	KIX	7:00 AM	A321/B787	CY	16:20	SGN
VN956/330	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	RGN	6:55 PM	KIX	6:40 AM	A321/B787	CY	9:15	HAN
Sapporo ↔ Đà Nẵng											
Từ Đà Nẵng đến Sapporo											
VN318/3351*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD	12:10 AM	CTS	7:45 PM	A321/B738	CY	17:35	NRT
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways											
Sapporo ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Sapporo											
VN356/3369*	29-Oct-17	24-Mar-18	12__56_	HAN	1:30 AM	CTS	1:55 PM	A321/B772	CY	10:25	FUK
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways											
Từ Sapporo đến Hà Nội											
VN3372*/385	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	CTS	12:30 PM	HAN	8:50 PM	B772/A350	CY	10:20	HND
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways											
Sapporo ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Sapporo											
VN302/3351*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	5:45 AM	CTS	7:45 PM	A321/B738	CY	11:00	NRT
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways											
Sendai ↔ Đà Nẵng											
Từ Đà Nẵng đến Sendai											
VN318/3343*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	DAD	12:10 AM	SDJ	7:45 PM	A321/B735	CY	17:35	NRT
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways											
Sendai ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Sendai											
VN310/3343*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN	12:40 AM	SDJ	7:45 PM	B787/B735	CY	17:05	NRT
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways											
Sendai ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Sendai											
VN302/3343*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	5:45 AM	SDJ	7:45 PM	A321/B735	CY	11:00	NRT
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Shonai ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Shonai								
VN384/3353*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 8:30 AM	SYO 9:20 PM	A350/A321	CY	10:50	HND
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
Từ Shonai đến Hà Nội								
VN3352*/385	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SYO 12:50 PM	HAN 8:50 PM	A321/A350	CY	10:00	HND
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
Tokyo ↔ Đà Nẵng								
Từ Đà Nẵng đến Tokyo								
VN318	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	DAD 12:10 AM	NRT 7:35 AM	A321	CY	05:25	
Từ Tokyo đến Đà Nẵng								
VN319	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	NRT 10:00 AM	DAD 2:30 PM	A321	CY	06:30	
Tokyo ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Tokyo								
VN346/3480*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 12:20 AM	NRT 3:40 PM	A321/B738	CY	13:20	NGO
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
VN310	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 12:40 AM	NRT 7:00 AM	B787	CIY	04:20	
VN384	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 8:30 AM	HND 3:05 PM	A350	CIY	04:35	
VN3358*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 3:05 PM	HND 10:15 PM	B789	CY	05:10	
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
Từ Tokyo đến Hà Nội								
VN3359*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HND 8:55 AM	HAN 12:25 PM	B789	CY	05:30	
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								
VN385	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HND 4:35 PM	HAN 8:50 PM	A350	CIY	06:15	
VN311	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	NRT 10:00 AM	HAN 2:00 PM	B787	CIY	06:00	
Tokyo ↔ Luang Prabang								
Từ Luang Prabang đến Tokyo								
VN930/310	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	LPQ 5:05 PM	NRT 7:00 AM	A321/B787	CIY	11:55	HAN
Từ Tokyo đến Luang Prabang								
VN311/2905*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	NRT 10:00 AM	LPQ 7:50 PM	B787/ATR	CIY	11:50	HAN
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines								
Tokyo ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Tokyo								
VN300	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 12:30 AM	NRT 7:45 AM	B787	CIY	05:15	
VN340/3480*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 12:35 AM	NRT 3:40 PM	A321/B738	CY	13:05	NGO
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN 302	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 5:45 AM	NRT 1:45 PM	A321	CY	06:00	
VN 3308*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 7:00 AM	NRT 3:00 PM	B763	CY	06:00	
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways									
VN 3306*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 10:25 PM	NRT 6:25 AM	B763	CY	06:00	
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways									
Từ Tokyo đến TP. Hồ Chí Minh									
VN 301	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	NRT 9:30 AM	SGN 2:05 PM	B787	CIY	06:35	
VN 303	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	NRT 2:55 PM	SGN 7:50 PM	A321	CY	06:55	
VN 3307*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	NRT 4:40 PM	SGN 9:05 PM	B763	CY	06:25	
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways									
VN 3309*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	NRT 6:55 PM	SGN 11:25 PM	B763	CY	06:30	
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways									
Tokyo ↔ Xiêm Riệp									
Từ Tokyo đến Xiêm Riệp									
VN 301/811	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	NRT 9:30 AM	REP 9:50 PM	B787/ATR	CIY	14:20	SGN
VN 301/813	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	NRT 9:30 AM	REP 5:30 PM	B787/A321	CIY	10:00	SGN
VN 301/815	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	NRT 9:30 AM	REP 8:35 PM	B787/A321	CIY	13:05	SGN
VN 301/3821*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	NRT 9:30 AM	REP 5:10 PM	B787/A320	CIY	9:40	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air									
VN 311/835	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	NRT 10:00 AM	REP 7:40 PM	B787/A321	CIY	11:40	HAN
VN 311/837	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	NRT 10:00 AM	REP 4:55 PM	B787/A321	CIY	8:55	HAN
VN 311/839	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	NRT 10:00 AM	REP 6:50 PM	B787/A321	CIY	10:50	HAN
VN 311/841	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	NRT 10:00 AM	REP 6:10 PM	B787/A321	CIY	10:10	HAN
VN 319/3829*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	NRT 10:00 AM	REP 7:30 PM	A321/ATR	CY	11:30	DAD
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air									
Từ Xiêm Riệp đến Tokyo									
VN 3830*/318	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP 9:05 AM	NRT 7:35 AM	ATR/A321	CY	20:30	DAD
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air									
VN 3818*/300	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP 10:10 AM	NRT 7:45 AM	A320/B787	CIY	19:35	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air									
VN 3824*/300	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP 1:45 PM	NRT 7:45 AM	A320/B787	CIY	16:00	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air									
VN 3828*/318	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP 3:00 PM	NRT 7:35 AM	ATR/A321	CY	14:35	DAD
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air									
VN 836/310	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP 5:55 PM	NRT 7:00 AM	A321/B787	CIY	11:05	HAN
VN 812/300	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP 6:30 PM	NRT 7:45 AM	A321/B787	CIY	11:15	SGN
VN 840/310	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP 7:15 PM	NRT 7:00 AM	A321/B787	CIY	9:45	HAN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN838/310	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP 7:50 PM	NRT 7:00 AM	A321/B787	CIY	9:10	HAN
VN834/310	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP 8:30 PM	NRT 7:00 AM	A321/B787	CIY	8:30	HAN
VN3822*/300	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP 9:05 PM	NRT 7:45 AM	A320/B787	CIY	8:40	SGN
<i>* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air</i>									
VN814/300	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP 9:35 PM	NRT 7:45 AM	A321/B787	CIY	8:10	SGN
VN810/300	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP 10:25 PM	NRT 7:45 AM	ATR/B787	CIY	7:20	SGN
VN810/302	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	REP 10:25 PM	NRT 1:45 PM	ATR/A321	CY	13:20	SGN
Tokyo ↔ Yangon									
Từ Tokyo đến Yangon									
VN311/957	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	NRT 10:00 AM	RGN 6:00 PM	B787/A321	CIY	10:30	HAN
Từ Yangon đến Tokyo									
VN942/300	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	RGN 12:10 PM	NRT 7:45 AM	A321/B787	CIY	17:05	SGN
VN956/310	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	RGN 6:55 PM	NRT 7:00 AM	A321/B787	CIY	9:35	HAN
Toyama ↔ Hà Nội									
Từ Hà Nội đến Toyama									
VN384/3357*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN 8:30 AM	TOY 7:00 PM	A350/B738	CY	8:30	HND
<i>* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways</i>									
Từ Toyama đến Hà Nội									
VN3356*/385	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	TOY 9:50 AM	HAN 8:50 PM	B738/A350	CY	13:00	HND
<i>* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways</i>									

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Philippines								
Manila ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Manila								
VN 3944*	29-Oct-17 24-Mar-18	1_3_5__	SGN 1:30 AM	MNL 5:30 AM	A321	CY	03:00	
* Chuyển bay hợp tác với Philippine Airlines								
VN 3940*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234_6_	SGN 9:30 AM	MNL 1:20 PM	A321	CY	02:50	
* Chuyển bay hợp tác với Philippine Airlines								
Từ Manila đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 3941*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234_6_	MNL 6:50 AM	SGN 8:30 AM	A321	CY	02:40	
* Chuyển bay hợp tác với Philippine Airlines								
VN 3945*	29-Oct-17 24-Mar-18	1_3_5__	MNL 10:30 PM	SGN 12:30 AM	A321	CY	03:00	
* Chuyển bay hợp tác với Philippine Airlines								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực
 Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Singapore											
Singapore ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Singapore											
VN663	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN	8:05 AM	SIN	12:25 PM	A321	CY	03:20	
VN661	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN	10:50 AM	SIN	3:10 PM	A321	CY	03:20	
Từ Singapore đến Hà Nội											
VN662	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SIN	1:25 PM	HAN	3:40 PM	A321	CY	03:15	
VN660	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SIN	4:10 PM	HAN	6:25 PM	A321	CY	03:15	
Singapore ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Singapore											
VN4241*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	7:10 AM	SIN	10:10 AM	A320	Y	02:00	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN651	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	9:10 AM	SIN	12:15 PM	A321	CY	02:05	
VN655	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	2:20 PM	SIN	5:25 PM	A321	CY	02:05	
VN659	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	4:20 PM	SIN	7:25 PM	A321	CY	02:05	
VN4243*	29-Oct-17	24-Mar-18	12345_7	SGN	5:45 PM	SIN	8:45 PM	A320	Y	02:00	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Từ Singapore đến TP. Hồ Chí Minh											
VN4240*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SIN	11:00 AM	SGN	12:05 PM	A320	Y	02:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN650	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SIN	1:15 PM	SGN	2:25 PM	A321	CY	02:10	
VN654	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SIN	6:25 PM	SGN	7:35 PM	A321	CY	02:10	
VN658	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SIN	8:25 PM	SGN	9:35 PM	A321	CY	02:10	
VN4242*	29-Oct-17	24-Mar-18	12345_7	SIN	9:30 PM	SGN	10:35 PM	A320	CY	02:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Thái Lan											
Bangkok ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Bangkok											
VN611	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN	9:15 AM	BKK	11:20 AM	A321	CY	02:05	
VN615	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN	12:40 PM	BKK	2:45 PM	A321	CY	02:05	
VN613	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN	3:30 PM	BKK	5:35 PM	A321	CY	02:05	
Từ Bangkok đến Hà Nội											
VN610	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	BKK	12:20 PM	HAN	2:10 PM	A321	CY	01:50	
VN614	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	BKK	3:55 PM	HAN	5:45 PM	A321	CY	01:50	
VN612	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	BKK	6:35 PM	HAN	8:25 PM	A321	CY	01:50	
Bangkok ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Bangkok											
VN601	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	8:40 AM	BKK	10:15 AM	A321	CY	01:35	
VN605	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	11:35 AM	BKK	1:10 PM	A321	CY	01:35	
VN4251*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	1:10 PM	BKK	2:40 PM	A320	Y	01:30	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN603	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	4:55 PM	BKK	6:30 PM	A321	CY	01:35	
Từ Bangkok đến TP. Hồ Chí Minh											
VN600	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	BKK	11:20 AM	SGN	1:00 PM	A321	CY	01:40	
VN604	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	BKK	2:20 PM	SGN	4:00 PM	A321	CY	01:40	
VN4250*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	BKK	3:25 PM	SGN	5:05 PM	A320	Y	01:40	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN602	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	BKK	7:35 PM	SGN	9:15 PM	A321	CY	01:40	

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Trung Quốc								
Bắc Kinh ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Bắc Kinh								
VN 512	29-Oct-17 24-Mar-18	_23_567	HAN 10:10 AM	PEK 2:30 PM	B787	CY	03:20	
Từ Bắc Kinh đến Hà Nội								
VN 513	29-Oct-17 24-Mar-18	_23_567	PEK 3:30 PM	HAN 6:25 PM	B787	CY	03:55	
Quảng Châu ↔ Đà Nẵng								
Từ Đà Nẵng đến Quảng Châu								
VN 548	30-Oct-17 23-Mar-18	1_3_5__	DAD 5:30 PM	CAN 8:40 PM	A321	CY	02:10	
Từ Quảng Châu đến Đà Nẵng								
VN 549	30-Oct-17 23-Mar-18	1_3_5__	CAN 9:40 PM	DAD 10:50 PM	A321	CY	02:10	
Quảng Châu ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Quảng Châu								
VN 3506*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 8:35 AM	CAN 11:10 AM	A319	CIY	01:35	
* Chuyển bay hợp tác với China Southern Airlines								
VN 506	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 12:40 PM	CAN 3:25 PM	A321	CY	01:45	
VN 4296*	29-Oct-17 24-Mar-18	1_3_5_7	HAN 11:45 PM	CAN 2:25 AM	A320	Y	01:40	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
Từ Quảng Châu đến Hà Nội								
VN 4297*	29-Oct-17 24-Mar-18	12_4_6_	CAN 3:25 AM	HAN 4:30 AM	A320	Y	02:05	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
VN 507	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CAN 4:25 PM	HAN 5:30 PM	A321	CY	02:05	
VN 3507*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CAN 10:10 PM	HAN 11:15 PM	A319	CIY	02:05	
* Chuyển bay hợp tác với China Southern Airlines								
Quảng Châu ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Quảng Châu								
VN 3500*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 8:00 AM	CAN 11:40 AM	B738	CIY	02:40	
* Chuyển bay hợp tác với China Southern Airlines								
VN 502	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 10:15 AM	CAN 2:10 PM	A321	CY	02:55	
VN 3504*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 11:55 AM	CAN 3:45 PM	B738	CIY	02:50	
* Chuyển bay hợp tác với China Southern Airlines								
VN 3502*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 3:40 PM	CAN 7:35 PM	A321	CIY	02:55	
* Chuyển bay hợp tác với China Southern Airlines								
VN 4298*	29-Oct-17 24-Mar-18	_23_567	SGN 10:45 PM	CAN 2:35 AM	A320	Y	02:50	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Từ Quảng Châu đến TP. Hồ Chí Minh								
VN4299*	29-Oct-17 24-Mar-18	1_34_67	CAN 3:35 AM	SGN 5:20 AM	A320	Y	02:45	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines								
VN3505*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CAN 9:05 AM	SGN 11:00 AM	B738	CIY	02:55	
* Chuyển bay hợp tác với China Southern Airlines								
VN3503*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CAN 12:25 PM	SGN 2:25 PM	A321	CIY	03:00	
* Chuyển bay hợp tác với China Southern Airlines								
VN503	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CAN 3:20 PM	SGN 5:15 PM	A321	CY	02:55	
VN3501*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CAN 8:05 PM	SGN 10:00 PM	B738	CIY	02:55	
* Chuyển bay hợp tác với China Southern Airlines								
Thành Đô ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Thành Đô								
VN530/3534*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 10:20 AM	CTU 1:05 AM	A350/A320	CY	13:45	PVG
* Chuyển bay hợp tác với China Eastern Airlines								
VN552	29-Oct-17 23-Mar-18	__3_5_7	HAN 12:55 PM	CTU 4:15 PM	A321	CY	02:20	
Từ Thành Đô đến Hà Nội								
VN3535*/531	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CTU 7:25 AM	HAN 5:55 PM	A320/A350	CY	11:30	PVG
* Chuyển bay hợp tác với China Eastern Airlines								
VN553	29-Oct-17 23-Mar-18	__3_5_7	CTU 5:15 PM	HAN 6:40 PM	A321	CY	02:25	
Thành Đô ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Thành Đô								
VN522/3534*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 9:15 AM	CTU 1:05 AM	A350/A320	CY	14:50	PVG
* Chuyển bay hợp tác với China Eastern Airlines								
Từ Thành Đô đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3535*/523	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CTU 7:25 AM	SGN 7:00 PM	A320/A350	CY	12:35	PVG
* Chuyển bay hợp tác với China Eastern Airlines								
Thượng Hải ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Thượng Hải								
VN530	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 10:20 AM	PVG 2:15 PM	A350	CY	02:55	
Từ Thượng Hải đến Hà Nội								
VN531	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	PVG 3:25 PM	HAN 5:55 PM	A350	CY	03:30	
VN3534*/553	29-Oct-17 24-Mar-18	__3_5_7	PVG 9:25 PM	HAN 6:40 PM	A320/A321	CY	22:15	CTU
* Chuyển bay hợp tác với China Eastern Airlines								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Thượng Hải ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Thượng Hải								
VN3522*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 2:10 AM	PVG 6:55 AM	A320	CY	03:45	
* Chuyển bay hợp tác với China Eastern Airlines								
VN522	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 9:15 AM	PVG 2:15 PM	A350	CY	04:00	
Từ Thượng Hải đến TP. Hồ Chí Minh								
VN523	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	PVG 3:25 PM	SGN 7:00 PM	A350	CY	04:35	
VN3523*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	PVG 10:00 PM	SGN 1:10 AM +1	A320	CY	04:10	
* Chuyển bay hợp tác với China Eastern Airlines								
Trùng Khánh ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Trùng Khánh								
VN530/3541*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 10:20 AM	CKG 12:15 AM	A350/A320	CY	12:55	PVG
* Chuyển bay hợp tác với China Eastern Airlines								
Từ Trùng Khánh đến Hà Nội								
VN3538*/531	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CKG 7:10 AM	HAN 5:55 PM	A320/A350	CY	11:35	PVG
* Chuyển bay hợp tác với China Eastern Airlines								
Trùng Khánh ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Trùng Khánh								
VN522/3541*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 9:15 AM	CKG 12:15 AM	A350/A320	CY	14:00	PVG
* Chuyển bay hợp tác với China Eastern Airlines								
Từ Trùng Khánh đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3538*/523	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CKG 7:10 AM	SGN 7:00 PM	A320/A350	CY	12:40	PVG
* Chuyển bay hợp tác với China Eastern Airlines								
Vũ Hán ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Vũ Hán								
VN530/3529*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 10:20 AM	WUH 9:55 PM	A350/B738	CY	10:35	PVG
* Chuyển bay hợp tác với China Eastern Airlines								
Từ Vũ Hán đến Hà Nội								
VN3528*/531	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	WUH 7:40 AM	HAN 5:55 PM	B738/A350	CY	11:15	PVG
* Chuyển bay hợp tác với China Eastern Airlines								
Vũ Hán ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Vũ Hán								
VN522/3529*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 9:15 AM	WUH 9:55 PM	A350/B738	CY	11:40	PVG
* Chuyển bay hợp tác với China Eastern Airlines								
Từ Vũ Hán đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3528*/523	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	WUH 7:40 AM	SGN 7:00 PM	B738/A350	CY	12:20	PVG
* Chuyển bay hợp tác với China Eastern Airlines								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
CHÂU ÂU								
Anh								
London ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến London								
VN055	29-Oct-17 23-Mar-18	_2_45_7	HAN 1:00 AM	LHR 7:15 AM	B787	CIY	13:15	
VN019/3644*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 11:50 PM	LHR 10:35 AM +1	A350/A319	CIY	17:45	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Từ London đến Hà Nội								
VN3653*/018	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	LHR 6:40 AM	HAN 6:10 AM +1	A319/A350	CIY	16:30	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
VN054	29-Oct-17 23-Mar-18	_2_45_7	LHR 11:00 AM	HAN 5:15 AM +1	B787	CIY	11:15	
London ↔ Luang Prabang								
Từ London đến Luang Prabang								
VN054/931	29-Oct-17 23-Mar-18	_2_45_7	LHR 11:00 AM	LPQ 4:10 PM +1	B787/A321	CIY	23:10	HAN
VN054/2905*	29-Oct-17 23-Mar-18	_2_45_7	LHR 11:00 AM	LPQ 7:50 PM +1	B787/ATR	CIY	26:50	HAN
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines								
Từ Luang Prabang đến London								
VN930/055	29-Oct-17 23-Mar-18	_2_45_7	LPQ 5:05 PM	LHR 7:15 AM	A321/B787	CIY	20:10	HAN
London ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến London								
VN051	30-Oct-17 24-Mar-18	1_3__6_	SGN 12:45 AM	LHR 7:15 AM	B787	CIY	13:30	
VN011/3644*	29-Oct-17 24-Mar-18	_2_4_6_	SGN 11:55 PM	LHR 10:35 AM +1	A350/A319	CIY	17:40	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Từ London đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3653*/010	29-Oct-17 24-Mar-18	__3_5_7	LHR 6:40 AM	SGN 7:30 AM +1	A319/A350	CIY	17:50	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
VN050	30-Oct-17 24-Mar-18	1_3__6_	LHR 11:00 AM	SGN 6:05 AM +1	B787	CIY	12:05	
London ↔ Xiêm Riệp								
Từ London đến Xiêm Riệp								
VN050/811	30-Oct-17 24-Mar-18	1_3__6_	LHR 11:00 AM	REP 9:50 PM +1	B787/ATR	CIY	28:50	SGN
VN050/813	30-Oct-17 24-Mar-18	1_3__6_	LHR 11:00 AM	REP 5:30 PM +1	B787/A321	CIY	24:30	SGN
VN050/815	30-Oct-17 24-Mar-18	1_3__6_	LHR 11:00 AM	REP 8:35 PM +1	B787/A321	CIY	27:35	SGN
VN050/3821*	30-Oct-17 24-Mar-18	1_3__6_	LHR 11:00 AM	REP 5:10 PM +1	B787/A320	CIY	24:10	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN050/3825*	30-Oct-17 24-Mar-18	1_3__6_	LHR 11:00 AM	REP 1:10 PM +1	B787/A320	CIY	20:10	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh			Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN054/835	29-Oct-17	23-Mar-18	_2_45_7	LHR	11:00 AM	REP	7:40 PM	+1	B787/A321	CIY	26:40	HAN
VN054/837	29-Oct-17	23-Mar-18	_2_45_7	LHR	11:00 AM	REP	4:55 PM	+1	B787/A321	CIY	23:55	HAN
VN054/839	29-Oct-17	23-Mar-18	_2_45_7	LHR	11:00 AM	REP	6:50 PM	+1	B787/A321	CIY	25:50	HAN
VN054/841	29-Oct-17	23-Mar-18	_2_45_7	LHR	11:00 AM	REP	6:10 PM	+1	B787/A321	CIY	25:10	HAN
Từ Xiêm Riệp đến London												
VN3818*/051	30-Oct-17	24-Mar-18	1_3__6_	REP	10:10 AM	LHR	7:15 AM		A320/B787	CIY	27:05	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
VN3824*/051	30-Oct-17	24-Mar-18	1_3__6_	REP	1:45 PM	LHR	7:15 AM		A320/B787	CIY	23:30	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
VN836/055	29-Oct-17	23-Mar-18	_2_45_7	REP	5:55 PM	LHR	7:15 AM		A321/B787	CIY	19:20	HAN
VN812/051	30-Oct-17	24-Mar-18	1_3__6_	REP	6:30 PM	LHR	7:15 AM		A321/B787	CIY	18:45	SGN
VN840/055	29-Oct-17	23-Mar-18	_2_45_7	REP	7:15 PM	LHR	7:15 AM		A321/B787	CIY	18:00	HAN
VN838/055	29-Oct-17	23-Mar-18	_2_45_7	REP	7:50 PM	LHR	7:15 AM		A321/B787	CIY	17:25	HAN
VN834/055	29-Oct-17	23-Mar-18	_2_45_7	REP	8:30 PM	LHR	7:15 AM		A321/B787	CIY	16:45	HAN
VN3822*/051	30-Oct-17	24-Mar-18	1_3__6_	REP	9:05 PM	LHR	7:15 AM		A320/B787	CIY	16:10	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
VN814/051	30-Oct-17	24-Mar-18	1_3__6_	REP	9:35 PM	LHR	7:15 AM		A321/B787	CIY	15:40	SGN
VN810/051	30-Oct-17	24-Mar-18	1_3__6_	REP	10:25 PM	LHR	7:15 AM		ATR/B787	CIY	14:50	SGN
London ↔ Yangon												
Từ London đến Yangon												
VN050/943	30-Oct-17	24-Mar-18	1_3__6_	LHR	11:00 AM	RGN	11:10 AM	+1	B787/A321	CIY	18:40	SGN
VN054/957	29-Oct-17	23-Mar-18	_2_45_7	LHR	11:00 AM	RGN	6:00 PM	+1	B787/A321	CIY	25:30	HAN
Từ Yangon đến London												
VN942/051	30-Oct-17	24-Mar-18	1_3__6_	RGN	12:10 PM	LHR	7:15 AM		A321/B787	CIY	24:35	SGN
VN956/055	29-Oct-17	23-Mar-18	_2_45_7	RGN	6:55 PM	LHR	7:15 AM		A321/B787	CIY	17:50	HAN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Áo								
Vienna ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Vienna								
VN019/3662*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 11:50 PM	VIE 12:10 PM	+1 A350/A320	CIY	18:20	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Từ Vienna đến Hà Nội								
VN3661*/018	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	VIE 7:05 AM	HAN 6:10 AM	+1 A320/A350	CIY	17:05	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Vienna ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Vienna								
VN011/3662*	29-Oct-17 24-Mar-18	_2_4_6_	SGN 11:55 PM	VIE 12:10 PM	+1 A350/A320	CIY	18:15	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Từ Vienna đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3661*/010	29-Oct-17 24-Mar-18	__3_5_7	VIE 7:05 AM	SGN 7:30 AM	+1 A320/A350	CIY	18:25	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
CH Séc								
Prague ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Prague								
VN037/3032*	29-Oct-17 24-Mar-18	1_34567	HAN 10:50 PM	PRG 10:40 AM	+1 A350/A319	CIY	17:50	FRA
* Chuyển bay hợp tác với Czech Airlines								
Từ Prague đến Hà Nội								
VN3033*/036	29-Oct-17 24-Mar-18	12_4567	PRG 7:25 AM	HAN 6:45 AM	+1 A319/A350	CIY	17:20	FRA
* Chuyển bay hợp tác với Czech Airlines								
Prague ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Prague								
VN031/3032*	29-Oct-17 24-Mar-18	_23_5_7	SGN 11:50 PM	PRG 10:40 AM	+1 A350/A319	CIY	16:50	FRA
* Chuyển bay hợp tác với Czech Airlines								
Từ Prague đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3033*/030	29-Oct-17 24-Mar-18	1_34_6_	PRG 7:25 AM	SGN 7:25 AM	+1 A319/A350	CIY	18:00	FRA
* Chuyển bay hợp tác với Czech Airlines								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Đan Mạch								
Copenhagen ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Copenhagen								
VN019/3184*	29-Oct-17 18-Mar-18	1234567	HAN 11:50 PM	CPH 11:10 AM +1	A350/A320	CIY	17:20	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Từ Copenhagen đến Hà Nội								
VN3169*/018	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CPH 6:25 AM	HAN 6:10 AM +1	A318/A350	CIY	17:45	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Copenhagen ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Copenhagen								
VN011/3184*	29-Oct-17 18-Mar-18	_2_4_6_	SGN 11:55 PM	CPH 11:10 AM +1	A350/A320	CIY	17:15	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Từ Copenhagen đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3169*/010	29-Oct-17 24-Mar-18	__3_5_7	CPH 6:25 AM	SGN 7:30 AM +1	A318/A350	CIY	19:05	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh			Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Đức												
Frankfurt ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Frankfurt												
VN037	29-Oct-17	23-Mar-18	1_34567	HAN	10:50 PM	FRA	6:00 AM	+1	A350	CIY	13:10	
VN019/3132*	29-Oct-17	23-Mar-18	1234567	HAN	11:50 PM	FRA	11:15 AM	+1	A350/E70	CIY	17:25	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ Frankfurt đến Hà Nội												
VN3131*/018	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	FRA	6:55 AM	HAN	6:10 AM	+1	A319/A350	CIY	17:15	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
VN036	29-Oct-17	24-Mar-18	12_4567	FRA	1:55 PM	HAN	6:45 AM	+1	A350	CIY	10:50	
Frankfurt ↔ Luang Prabang												
Từ Frankfurt đến Luang Prabang												
VN036/931	29-Oct-17	24-Mar-18	12_4567	FRA	1:55 PM	LPQ	4:10 PM	+1	A350/A321	CIY	21:15	HAN
VN036/2905*	29-Oct-17	24-Mar-18	12_4567	FRA	1:55 PM	LPQ	7:50 PM	+1	A350/ATR	CIY	24:55	HAN
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines												
Từ Luang Prabang đến Frankfurt												
VN930/037	29-Oct-17	23-Mar-18	1_34567	LPQ	5:05 PM	FRA	6:00 AM	+1	A321/A350	CIY	17:55	HAN
Frankfurt ↔ TP. Hồ Chí Minh												
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Frankfurt												
VN031	29-Oct-17	23-Mar-18	_23_5_7	SGN	11:50 PM	FRA	6:30 AM	+1	A350	CIY	12:40	
VN011/3132*	29-Oct-17	23-Mar-18	_2_4_6_	SGN	11:55 PM	FRA	11:15 AM	+1	A350/E70	CIY	17:20	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ Frankfurt đến TP. Hồ Chí Minh												
VN3131*/010	29-Oct-17	24-Mar-18	__3_5_7	FRA	6:55 AM	SGN	7:30 AM	+1	A319/A350	CIY	18:35	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
VN030	30-Oct-17	24-Mar-18	1_34_6_	FRA	1:55 PM	SGN	7:25 AM	+1	A350	CIY	11:30	
Frankfurt ↔ Xiêm Riệp												
Từ Frankfurt đến Xiêm Riệp												
VN030/811	30-Oct-17	24-Mar-18	1_34_6_	FRA	1:55 PM	REP	9:50 PM	+1	A350/ATR	CIY	26:55	SGN
VN030/813	30-Oct-17	24-Mar-18	1_34_6_	FRA	1:55 PM	REP	5:30 PM	+1	A350/A321	CIY	22:35	SGN
VN030/815	30-Oct-17	24-Mar-18	1_34_6_	FRA	1:55 PM	REP	8:35 PM	+1	A350/A321	CIY	25:40	SGN
VN030/3821*	30-Oct-17	24-Mar-18	1_34_6_	FRA	1:55 PM	REP	5:10 PM	+1	A350/A320	CIY	22:15	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
VN030/3825*	30-Oct-17	24-Mar-18	1_34_6_	FRA	1:55 PM	REP	1:10 PM	+1	A350/A320	CIY	18:15	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
VN036/835	29-Oct-17	24-Mar-18	12_4567	FRA	1:55 PM	REP	7:40 PM	+1	A350/A321	CIY	24:45	HAN
VN036/837	29-Oct-17	24-Mar-18	12_4567	FRA	1:55 PM	REP	4:55 PM	+1	A350/A321	CIY	22:00	HAN
VN036/839	29-Oct-17	24-Mar-18	12_4567	FRA	1:55 PM	REP	6:50 PM	+1	A350/A321	CIY	23:55	HAN
VN036/841	29-Oct-17	24-Mar-18	12_4567	FRA	1:55 PM	REP	6:10 PM	+1	A350/A321	CIY	23:15	HAN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Từ Xiêm Riệp đến Frankfurt								
VN3818*/031	29-Oct-17 23-Mar-18	_23_5_7	REP 10:10 AM	FRA 6:30 AM	+1 A320/A350	CIY	25:20	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN3824*/031	29-Oct-17 23-Mar-18	_23_5_7	REP 1:45 PM	FRA 6:30 AM	+1 A320/A350	CIY	21:45	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN836/037	29-Oct-17 23-Mar-18	1_34567	REP 5:55 PM	FRA 6:00 AM	+1 A321/A350	CIY	17:05	HAN
VN812/031	29-Oct-17 23-Mar-18	_23_5_7	REP 6:30 PM	FRA 6:30 AM	+1 A321/A350	CIY	17:00	SGN
VN840/037	29-Oct-17 23-Mar-18	1_34567	REP 7:15 PM	FRA 6:00 AM	+1 A321/A350	CIY	15:45	HAN
VN838/037	29-Oct-17 23-Mar-18	1_34567	REP 7:50 PM	FRA 6:00 AM	+1 A321/A350	CIY	15:10	HAN
VN3822*/031	29-Oct-17 23-Mar-18	_23_5_7	REP 9:05 PM	FRA 6:30 AM	+1 A320/A350	CIY	14:25	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN814/031	29-Oct-17 23-Mar-18	_23_5_7	REP 9:35 PM	FRA 6:30 AM	+1 A321/A350	CIY	13:55	SGN
VN810/031	29-Oct-17 23-Mar-18	_23_5_7	REP 10:25 PM	FRA 6:30 AM	+1 ATR/A350	CIY	13:05	SGN
Frankfurt ↔ Yangon								
Từ Frankfurt đến Yangon								
VN030/943	30-Oct-17 24-Mar-18	1_34_6_	FRA 1:55 PM	RGN 11:10 AM	+1 A350/A321	CIY	16:45	SGN
VN036/957	29-Oct-17 24-Mar-18	12_4567	FRA 1:55 PM	RGN 6:00 PM	+1 A350/A321	CIY	23:35	HAN
Từ Yangon đến Frankfurt								
VN942/031	29-Oct-17 23-Mar-18	_23_5_7	RGN 12:10 PM	FRA 6:30 AM	+1 A321/A350	CIY	22:50	SGN
VN956/037	29-Oct-17 23-Mar-18	1_34567	RGN 6:55 PM	FRA 6:00 AM	+1 A321/A350	CIY	15:35	HAN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay		Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Hà Lan												
Amsterdam ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Amsterdam												
VN019/3152*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN	11:50 PM	AMS	10:00 AM	+1	A350/B737	CIY	16:10	CDG
* Chuyển bay hợp tác với KLM Royal Dutch Airlines												
Từ Amsterdam đến Hà Nội												
VN3164*/036	29-Oct-17	24-Mar-18	12_4567	AMS	9:50 AM	HAN	6:45 AM	+1	E90/A350	CIY	14:55	FRA
* Chuyển bay hợp tác với KLM Royal Dutch Airlines												
Amsterdam ↔ TP. Hồ Chí Minh												
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Amsterdam												
VN011/3154*	29-Oct-17	24-Mar-18	_2_4_6_	SGN	11:55 PM	AMS	11:00 AM	+1	A350/B737	CIY	17:05	CDG
* Chuyển bay hợp tác với KLM Royal Dutch Airlines												
Từ Amsterdam đến TP. Hồ Chí Minh												
VN3164*/030	29-Oct-17	24-Mar-18	1_34_6_	AMS	9:50 AM	SGN	7:25 AM	+1	E90/A350	CIY	15:35	FRA
* Chuyển bay hợp tác với KLM Royal Dutch Airlines												

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Na Uy								
Oslo ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Oslo								
VN019/3686*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 11:50 PM	OSL 11:40 AM +1	A350/A318	CIY	17:50	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Từ Oslo đến Hà Nội								
VN3149*/018	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	OSL 6:10 AM	HAN 6:10 AM +1	A318/A350	CIY	17:00	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Oslo ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Oslo								
VN011/3686*	29-Oct-17 24-Mar-18	_2_4_6_	SGN 11:55 PM	OSL 11:40 AM +1	A350/A318	CIY	17:45	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Từ Oslo đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3149*/010	29-Oct-17 24-Mar-18	__3_5_7	OSL 6:10 AM	SGN 7:30 AM +1	A318/A350	CIY	19:20	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Nga											
Moscow ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Moscow											
VN065	31-Oct-17	24-Mar-18	_2_4_6_	HAN	10:25 AM	DME	5:00 PM		A330	CY	10:35
Từ Moscow đến Hà Nội											
VN064	31-Oct-17	24-Mar-18	_2_4_6_	DME	7:00 PM	HAN	7:55 AM	+1	A330	CY	08:55

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Phần Lan								
Helsinki ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Helsinki								
VN055/3688*	29-Oct-17	24-Mar-18	_2_45_7	HAN 1:00 AM	HEL 3:15 PM	B787/A359	CIY	19:15 LHR
* Chuyển bay hợp tác với Finnair								
Từ Helsinki đến Hà Nội								
VN3693*/054	29-Oct-17	24-Mar-18	_2_45_7	HEL 8:00 AM	HAN 5:15 AM	+1 A359/B787	CIY	16:15 LHR
* Chuyển bay hợp tác với Finnair								
Helsinki ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Helsinki								
VN051/3688*	29-Oct-17	24-Mar-18	1_3__6_	SGN 12:45 AM	HEL 3:15 PM	B787/A359	CIY	19:30 LHR
* Chuyển bay hợp tác với Finnair								
Từ Helsinki đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3693*/050	29-Oct-17	24-Mar-18	1_3__6_	HEL 8:00 AM	SGN 6:05 AM	+1 A359/B787	CIY	17:05 LHR
* Chuyển bay hợp tác với Finnair								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Pháp								
Lyon ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Lyon								
VN019/3125*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 11:50 PM	LYS 10:15 AM +1	A350/A318	CIY	16:25	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Từ Lyon đến Hà Nội								
VN3120*/018	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	LYS 6:20 AM	HAN 6:10 AM +1	A321/A350	CIY	17:50	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Lyon ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Lyon								
VN011/3125*	29-Oct-17 24-Mar-18	_2_4_6_	SGN 11:55 PM	LYS 10:15 AM +1	A350/A318	CIY	16:20	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Từ Lyon đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3120*/010	29-Oct-17 24-Mar-18	__3_5_7	LYS 6:20 AM	SGN 7:30 AM +1	A321/A350	CIY	19:10	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Marseille ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Marseille								
VN019/3117*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 11:50 PM	MRS 11:15 AM +1	A350/A320	CIY	17:25	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Từ Marseille đến Hà Nội								
VN3116*/018	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	MRS 9:25 AM	HAN 6:10 AM +1	A319/A350	CIY	14:45	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Marseille ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Marseille								
VN011/3117*	29-Oct-17 24-Mar-18	_2_4_6_	SGN 11:55 PM	MRS 11:15 AM +1	A350/A320	CIY	17:20	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Từ Marseille đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3116*/010	29-Oct-17 24-Mar-18	__3_5_7	MRS 9:25 AM	SGN 7:30 AM +1	A319/A350	CIY	16:05	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Montpellier ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Montpellier								
VN019/3127*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 11:50 PM	MPL 2:10 PM +1	A350/A318	CIY	20:20	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Từ Montpellier đến Hà Nội								
VN3126*/018	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	MPL 6:05 AM	HAN 6:10 AM +1	A318/A350	CIY	18:05	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Montpellier ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Montpellier								
VN011/3127*	29-Oct-17 24-Mar-18	_2_4_6_	SGN 11:55 PM	MPL 2:10 PM	+1 A350/A318	CIY	20:15	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Từ Montpellier đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3126*/010	29-Oct-17 24-Mar-18	__3_5_7	MPL 6:05 AM	SGN 7:30 AM	+1 A318/A350	CIY	19:25	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Nice ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Nice								
VN019/3600*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 11:50 PM	NCE 11:25 AM	+1 A350/A320	CIY	17:35	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Từ Nice đến Hà Nội								
VN3605*/018	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	NCE 9:35 AM	HAN 6:10 AM	+1 A318/A350	CIY	14:35	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Nice ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Nice								
VN011/3600*	29-Oct-17 24-Mar-18	_2_4_6_	SGN 11:55 PM	NCE 11:25 AM	+1 A350/A320	CIY	17:30	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Từ Nice đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3605*/010	29-Oct-17 24-Mar-18	__3_5_7	NCE 9:35 AM	SGN 7:30 AM	+1 A318/A350	CIY	15:55	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Paris ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Paris								
VN019	29-Oct-17 23-Mar-18	1234567	HAN 11:50 PM	CDG 7:00 AM	+1 A350	CIY	13:10	
Từ Paris đến Hà Nội								
VN3132*/036	29-Oct-17 23-Mar-18	12_4567	CDG 9:50 AM	HAN 6:45 AM	+1 E70/A350	CIY	14:55	FRA
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
VN018	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CDG 1:10 PM	HAN 6:10 AM	+1 A350	CIY	11:00	
Paris ↔ Luang Prabang								
Từ Paris đến Luang Prabang								
VN018/931	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CDG 1:10 PM	LPQ 4:10 PM	+1 A350/A321	CIY	22:00	HAN
VN018/2905*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CDG 1:10 PM	LPQ 7:50 PM	+1 A350/ATR	CIY	25:40	HAN
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines								
Từ Luang Prabang đến Paris								
VN930/019	29-Oct-17 23-Mar-18	1234567	LPQ 5:05 PM	CDG 7:00 AM	+1 A321/A350	CIY	18:55	HAN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Paris ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Paris								
VN011	31-Oct-17 22-Mar-18	_2_4_6_	SGN 11:55 PM	CDG 7:30 AM	+1 A350	CIY	13:35	
Từ Paris đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3132*/030	29-Oct-17 23-Mar-18	1_34_6_	CDG 9:50 AM	SGN 7:25 AM	+1 E70/A350	CIY	15:35	FRA
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
VN010	29-Oct-17 23-Mar-18	__3_5_7	CDG 1:35 PM	SGN 7:30 AM	+1 A350	CIY	11:55	
Paris ↔ Xiêm Riệp								
Từ Paris đến Xiêm Riệp								
VN018/835	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CDG 1:10 PM	REP 7:40 PM	+1 A350/A321	CIY	25:30	HAN
VN018/837	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CDG 1:10 PM	REP 4:55 PM	+1 A350/A321	CIY	22:45	HAN
VN018/839	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CDG 1:10 PM	REP 6:50 PM	+1 A350/A321	CIY	24:40	HAN
VN018/841	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	CDG 1:10 PM	REP 6:10 PM	+1 A350/A321	CIY	24:00	HAN
VN010/811	29-Oct-17 23-Mar-18	__3_5_7	CDG 1:35 PM	REP 9:50 PM	+1 A350/ATR	CIY	27:15	SGN
VN010/813	29-Oct-17 23-Mar-18	__3_5_7	CDG 1:35 PM	REP 5:30 PM	+1 A350/A321	CIY	22:55	SGN
VN010/815	29-Oct-17 23-Mar-18	__3_5_7	CDG 1:35 PM	REP 8:35 PM	+1 A350/A321	CIY	26:00	SGN
VN010/3821*	29-Oct-17 23-Mar-18	__3_5_7	CDG 1:35 PM	REP 5:10 PM	+1 A350/A320	CIY	22:35	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN010/3825*	29-Oct-17 23-Mar-18	__3_5_7	CDG 1:35 PM	REP 1:10 PM	+1 A350/A320	CIY	18:35	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
Từ Xiêm Riệp đến Paris								
VN3818*/011	31-Oct-17 22-Mar-18	_2_4_6_	REP 10:10 AM	CDG 7:30 AM	+1 A320/A350	CIY	26:20	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN3824*/011	31-Oct-17 22-Mar-18	_2_4_6_	REP 1:45 PM	CDG 7:30 AM	+1 A320/A350	CIY	22:45	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN836/019	29-Oct-17 23-Mar-18	1234567	REP 5:55 PM	CDG 7:00 AM	+1 A321/A350	CIY	18:05	HAN
VN812/011	31-Oct-17 22-Mar-18	_2_4_6_	REP 6:30 PM	CDG 7:30 AM	+1 A321/A350	CIY	18:00	SGN
VN840/019	29-Oct-17 23-Mar-18	1234567	REP 7:15 PM	CDG 7:00 AM	+1 A321/A350	CIY	16:45	HAN
VN838/019	29-Oct-17 23-Mar-18	1234567	REP 7:50 PM	CDG 7:00 AM	+1 A321/A350	CIY	16:10	HAN
VN834/019	29-Oct-17 23-Mar-18	1234567	REP 8:30 PM	CDG 7:00 AM	+1 A321/A350	CIY	15:30	HAN
VN3822*/011	31-Oct-17 22-Mar-18	_2_4_6_	REP 9:05 PM	CDG 7:30 AM	+1 A320/A350	CIY	15:25	SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air								
VN814/011	31-Oct-17 22-Mar-18	_2_4_6_	REP 9:35 PM	CDG 7:30 AM	+1 A321/A350	CIY	14:55	SGN
VN810/011	31-Oct-17 22-Mar-18	_2_4_6_	REP 10:25 PM	CDG 7:30 AM	+1 ATR/A350	CIY	14:05	SGN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng	
Paris ↔ Yangon												
Từ Paris đến Yangon												
VN018/957	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	CDG	1:10 PM	RGN	6:00 PM	+1	A350/A321	CIY	24:20	HAN
VN010/943	29-Oct-17	23-Mar-18	__3_5_7	CDG	1:35 PM	RGN	11:10 AM	+1	A350/A321	CIY	17:05	SGN
Từ Yangon đến Paris												
VN942/011	31-Oct-17	22-Mar-18	_2_4_6_	RGN	12:10 PM	CDG	7:30 AM	+1	A321/A350	CIY	23:50	SGN
VN956/019	29-Oct-17	23-Mar-18	1234567	RGN	6:55 PM	CDG	7:00 AM	+1	A321/A350	CIY	16:35	HAN
Toulouse ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Toulouse												
VN019/3113*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN	11:50 PM	TLS	11:15 AM	+1	A350/A321	CIY	17:25	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ Toulouse đến Hà Nội												
VN3112*/018	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	TLS	7:15 AM	HAN	6:10 AM	+1	A321/A350	CIY	16:55	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Toulouse ↔ TP. Hồ Chí Minh												
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Toulouse												
VN011/3113*	29-Oct-17	24-Mar-18	_2_4_6_	SGN	11:55 PM	TLS	11:15 AM	+1	A350/A321	CIY	17:20	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ Toulouse đến TP. Hồ Chí Minh												
VN3112*/010	29-Oct-17	24-Mar-18	__3_5_7	TLS	7:15 AM	SGN	7:30 AM	+1	A321/A350	CIY	18:15	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Tây Ban Nha								
Barcelona ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Barcelona								
VN019/3672*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 11:50 PM	BCN 11:20 AM	+1 A350/A320	CIY	17:30	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France								
Từ Barcelona đến Hà Nội								
VN3683*/018	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	BCN 9:40 AM	HAN 6:10 AM	+1 A320/A350	CIY	14:30	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France								
Barcelona ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Barcelona								
VN011/3672*	29-Oct-17 24-Mar-18	_2_4_6_	SGN 11:55 PM	BCN 11:20 AM	+1 A350/A320	CIY	17:25	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France								
Từ Barcelona đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3683*/010	29-Oct-17 24-Mar-18	__3_5_7	BCN 9:40 AM	SGN 7:30 AM	+1 A320/A350	CIY	15:50	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France								
Madrid ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Madrid								
VN019/3136*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 11:50 PM	MAD 11:45 AM	+1 A350/A320	CIY	17:55	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France								
Từ Madrid đến Hà Nội								
VN3137*/018	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	MAD 6:40 AM	HAN 6:10 AM	+1 A321/A350	CIY	17:30	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France								
Madrid ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Madrid								
VN011/3136*	29-Oct-17 24-Mar-18	_2_4_6_	SGN 11:55 PM	MAD 11:45 AM	+1 A350/A320	CIY	17:50	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France								
Từ Madrid đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3166*/030	29-Oct-17 24-Mar-18	1_34_6_	MAD 7:05 AM	SGN 7:25 AM	+1 B738/A350	CIY	18:20	FRA
* Chuyến bay hợp tác với Air Europa								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Thụy Sĩ								
Geneva ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Geneva								
VN019/3140*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 11:50 PM	GVA 11:15 AM +1	A350/A318	CIY	17:25	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Từ Geneva đến Hà Nội								
VN3143*/018	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	GVA 9:05 AM	HAN 6:10 AM +1	A318/A350	CIY	15:05	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Geneva ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Geneva								
VN011/3140*	29-Oct-17 24-Mar-18	_2_4_6_	SGN 11:55 PM	GVA 11:15 AM +1	A350/A318	CIY	17:20	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Từ Geneva đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3143*/010	29-Oct-17 24-Mar-18	__3_5_7	GVA 9:05 AM	SGN 7:30 AM +1	A318/A350	CIY	16:25	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Zurich ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Zurich								
VN019/3108*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 11:50 PM	ZRH 2:15 PM +1	A350/A318	CIY	20:25	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Từ Zurich đến Hà Nội								
VN3109*/018	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	ZRH 6:45 AM	HAN 6:10 AM +1	A318/A350	CIY	17:25	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Zurich ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Zurich								
VN011/3108*	29-Oct-17 24-Mar-18	_2_4_6_	SGN 11:55 PM	ZRH 2:15 PM +1	A350/A318	CIY	20:20	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								
Từ Zurich đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3109*/010	29-Oct-17 24-Mar-18	__3_5_7	ZRH 6:45 AM	SGN 7:30 AM +1	A318/A350	CIY	18:45	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Ý								
Rome ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Rome								
VN019/3159*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 11:50 PM	FCO 1:00 PM	+1 A350/A321	CIY	19:10	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Alitalia Societa Aerea Italiana								
Từ Rome đến Hà Nội								
VN3158*/018	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	FCO 9:15 AM	HAN 6:10 AM	+1 A319/A350	CIY	14:55	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Alitalia Societa Aerea Italiana								
Rome ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Rome								
VN011/3159*	29-Oct-17 24-Mar-18	_2_4_6_	SGN 11:55 PM	FCO 1:00 PM	+1 A350/A321	CIY	19:05	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Alitalia Societa Aerea Italiana								
Từ Rome đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3158*/010	29-Oct-17 24-Mar-18	__3_5_7	FCO 9:15 AM	SGN 7:30 AM	+1 A319/A350	CIY	16:15	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Alitalia Societa Aerea Italiana								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
CHÂU MỸ											
Canada											
Vancouver ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Vancouver											
VN578/2034*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	HAN	5:35 PM	YVR	6:45 PM	A321/B747	CY	15:10	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines											
Từ Vancouver đến Hà Nội											
VN2035*/579	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	YVR	2:00 AM	HAN	9:45 AM	B747/A321	CY	17:45	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines											
Vancouver ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Vancouver											
VN570/2034*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN	4:45 PM	YVR	6:45 PM	A321/B747	CY	16:00	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines											
Từ Vancouver đến TP. Hồ Chí Minh											
VN2035*/571	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	YVR	2:00 AM	SGN	10:15 AM	B747/A321	CY	18:15	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Mỹ								
Los Angeles ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Los Angeles								
VN578/2032*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 5:35 PM	LAX 8:50 PM	A321/B777	CY	17:15	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines								
Từ Los Angeles đến Hà Nội								
VN2033*/579	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	LAX 1:05 AM	HAN 9:45 AM	B777/A321	CY	18:40	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines								
Los Angeles ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Los Angeles								
VN570/2032*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SGN 4:45 PM	LAX 8:50 PM	A321/B777	CY	18:05	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines								
Từ Los Angeles đến TP. Hồ Chí Minh								
VN2033*/571	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	LAX 1:05 AM	SGN 10:15 AM	B777/A321	CY	19:10	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines								
New York ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến New York								
VN576/3008*	29-Oct-17 24-Mar-18	_23_56_	HAN 8:25 AM	JFK 8:15 PM	A321/B777	CY	23:50	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines								
Từ New York đến Hà Nội								
VN3009*/579	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	JFK 1:35 AM	HAN 9:45 AM	B777/A321	CY	20:10	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines								
New York ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ New York đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3009*/571	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	JFK 1:35 AM	SGN 10:15 AM	B777/A321	CY	20:40	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines								
San Francisco ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến San Francisco								
VN578/2030*	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	HAN 5:35 PM	SFO 8:00 PM	A321/B777	CY	16:25	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines								
Từ San Francisco đến Hà Nội								
VN2031*/579	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	SFO 1:40 AM	HAN 9:45 AM	B777/A321	CY	18:05	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
--------------------	--------------------	----------	--------------	-------------	--------------	----------	---------------	-----------

San Francisco ↔ TP. Hồ Chí Minh
Từ TP. Hồ Chí Minh đến San Francisco

VN570/2030*	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SGN 4:45 PM	SFO 8:00 PM	A321/B777	CY	17:15	TPE
-------------	-----------	-----------	---------	-------------	-------------	-----------	----	-------	-----

* Chuyển bay hợp tác với China Airlines

Từ San Francisco đến TP. Hồ Chí Minh

VN2031*/571	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SFO 1:40 AM	SGN 10:15 AM	B777/A321	CY	18:35	TPE
-------------	-----------	-----------	---------	-------------	--------------	-----------	----	-------	-----

* Chuyển bay hợp tác với China Airlines

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
CHÂU PHI								
Kenya								
Nairobi ↔ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Nairobi								
VN3187*	29-Oct-17 24-Mar-18	__3_5_7	HAN 12:10 AM	NBO 6:00 AM	B788	CY	09:50	
* Chuyển bay hợp tác với Kenya Airways								
Từ Nairobi đến Hà Nội								
VN3186*	29-Oct-17 24-Mar-18	1_3_5__	NBO 11:10 PM	HAN 12:45 PM	B788	CY	09:35	
* Chuyển bay hợp tác với Kenya Airways								
VN3200*/614	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	NBO 11:59 PM	HAN 5:45 PM	B788/A321	CY	13:46	BKK
* Chuyển bay hợp tác với Kenya Airways								
VN3202*/614	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	NBO 11:59 PM	HAN 5:45 PM	B788/A321	CY	13:46	BKK
* Chuyển bay hợp tác với Kenya Airways								
Nairobi ↔ TP. Hồ Chí Minh								
Từ Nairobi đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3200*/602	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	NBO 11:59 PM	SGN 9:15 PM	B788/A321	CY	17:16	BKK
* Chuyển bay hợp tác với Kenya Airways								
VN3202*/602	29-Oct-17 24-Mar-18	1234567	NBO 11:59 PM	SGN 9:15 PM	B788/A321	CY	17:16	BKK
* Chuyển bay hợp tác với Kenya Airways								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
CHÂU ÚC											
Úc											
Melbourne ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Melbourne											
VN 781	29-Oct-17	23-Mar-18	1234567	SGN	9:00 PM	MEL	9:25 AM	+1	B787	CIY	08:25
Từ Melbourne đến TP. Hồ Chí Minh											
VN 780	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	MEL	11:25 AM	SGN	3:40 PM		B787	CIY	08:15
Sydney ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Sydney											
VN 787	29-Oct-17	23-Mar-18	_2__5_7	HAN	11:50 PM	SYD	1:15 PM	+1	B787	CIY	09:25
Từ Sydney đến Hà Nội											
VN 786	30-Oct-17	24-Mar-18	1_3__6_	SYD	3:15 PM	HAN	8:50 PM		B787	CIY	09:35
Sydney ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Sydney											
VN 773	29-Oct-17	23-Mar-18	1234567	SGN	9:15 PM	SYD	9:50 AM	+1	B787	CIY	08:35
Từ Sydney đến TP. Hồ Chí Minh											
VN 772	29-Oct-17	24-Mar-18	1234567	SYD	11:50 AM	SGN	4:05 PM		B787	CIY	08:15

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 29/10/2017 đến 24/3/2018

